

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THÚY HÀ

**NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC ĐÌNH LIÊN HIỆP
ỨNG DỤNG VÀO BÀI TẬP NGHIÊN CỨU VỐN CỐ
DÂN TỘC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
Khóa 1 (2015 - 2017)**

Hà Nội, 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THÚY HÀ

**NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC ĐÌNH LIÊN HIỆP
ỨNG DỤNG VÀO BÀI TẬP NGHIÊN CỨU VỐN CỐ
DÂN TỘC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật

Mã số: 60.14.01.11

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. Trần Đình Tuấn

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của bản thân. Các tài liệu trích dẫn trình bày trong luận văn là trung thực, rõ ràng có nguồn gốc cụ thể. Kết quả nghiên cứu trong luận văn chưa từng được công bố tại bất kỳ một công trình khoa học nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

HỌC VIÊN

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hà

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1	ĐHSP	Đại học Sư phạm
2	ĐHSPNTTW	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương
3	GV	Giảng viên
4	MTCS	Mỹ thuật Cơ sở
5	SPMT	Sư phạm Mỹ thuật
6	SV	Sinh viên
7	TTCB	Trang trí cơ bản

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	7
1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài	7
1.1.1. Vốn cổ	7
1.1.2. Đình làng	9
1.1.3. Chạm khắc	10
1.1.4. Dạy – học	14
1.2. Nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp	16
1.2.1. Khái quát về Đình làng	16
1.2.2. Khái quát về đình Liên Hiệp	20
1.2.3. Một số đề tài trong chạm khắc đình làng Liên Hiệp	22
1.2.4. Giá trị nghệ thuật của đình Liên Hiệp	25
Tiểu kết	33
Chương 2: NGHỆ THUẬT CỦA CHẠM KHẮC ĐÌNH LIÊN HIỆP ỨNG DỤNG VÀO DẠY – HỌC BÀI TẬP NGHIÊN CỨU VỐN CỔ DÂN TỘC	35
2.1. Khái quát về trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	35
2.2. Nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong chương trình dạy – học ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	36
2.2.1. Chương trình bộ môn trang trí cơ bản 1	36
2.2.2. Nội dung dạy – học của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc	39
2.3. Thực trạng Dạy và học bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong đào tạo chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	40
2.3.1. Thực trạng dạy	40
2.3.2. Thực trạng học	45
2.3.3. Đánh giá thực trạng dạy - học	46

2.4. Vận dụng nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp trong giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.....	49
2.4.1. Đề tài	49
2.4.2. Bố cục.....	51
2.5. Thực nghiệm sư phạm.....	53
2.5.1. Những vấn đề chung về thực nghiệm	53
2.5.2. Kết quả khảo sát trước và sau thực nghiệm	57
2.5.3. Kết quả thực nghiệm	60
Tiểu kết.....	65
KẾT LUẬN	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	68
PHỤ LỤC	71

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam, một đất nước nhỏ bé nhưng có nhiều giá trị văn hóa được thế giới quan tâm, tiêu biểu là những di tích, những kiệt tác văn hóa được công nhận là di sản thế giới, di sản văn hóa phi vật thể. Tất cả chứng minh cho một đời sống văn hóa phong phú, giàu bản sắc của cha ông ta để lại từ đời xưa. Những giá trị văn hóa đó tồn tại dưới dạng vật chất, hoặc phi vật chất và là vốn cổ của dân tộc ta.

Vấn đề gìn giữ bản sắc dân tộc cũng như vốn cổ dân tộc ngày càng được chú trọng và đầu tư, việc bảo tồn vốn cổ có ý nghĩa rất lớn trong đời sống văn hóa người Việt. Chúng đại diện cho đời sống tinh thần của dân tộc, là phương tiện truyền tải thông điệp cũng như hình ảnh về đời sống của cha ông cho lớp hậu duệ biết để phát huy những giá trị tốt đẹp trong kho tàng vốn cổ ấy. Chính vì vậy việc chúng ta có sự đầu tư để tìm hiểu, nghiên cứu, bảo tồn và truyền dạy các giá trị truyền thống là một cách để thể hiện sự tôn trọng đối với lịch sử phát triển của dân tộc, là nền tảng để chúng ta có nhận thức đúng đắn để phát triển hơn nữa vốn văn hóa dân tộc. Xuất phát từ ý nghĩa của việc truyền bá các giá trị văn hóa, vốn cổ dân tộc mà đòi hỏi chúng ta cần đào tạo nên những người giáo viên nghệ thuật có sự hiểu biết về vốn cổ dân tộc trở nên cấp bách.

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương là một trong những địa chỉ tin cậy hàng đầu về việc đào tạo giáo viên nghệ thuật, những cán bộ quản lý văn hóa đã nắm được tầm quan trọng của vốn cổ dân tộc và đưa các giá trị đó vào giảng dạy trong chương trình đào tạo một số ngành của nhà trường như Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang.

Tuy nhiên, do có nhiều môn học với lượng kiến thức tương đối lớn nên đôi khi có những môn học sinh viên còn có ít thời gian để nghiên cứu, tìm hiểu chuyên sâu về chuyên môn. Mảng nghiên cứu vốn cổ của sinh

viên cũng chỉ được gói trong bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc với thời lượng có hạn, các đề tài cũ đã quen thuộc và ít bổ sung, làm mới. Chính vì vậy mà sinh viên ít có cơ hội được tiếp xúc, tìm hiểu và nghiên cứu về vốn cổ một cách sâu, rộng hơn và các em cũng ít có hứng thú với việc tìm hiểu các đề tài này. Lượng kiến thức, vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc các em sinh viên được học, tiếp xúc chỉ là một phần nhỏ trong kho tàng vốn cổ quý báu của dân tộc. Đặc biệt là giá trị nghệ thuật của các mảng chạm khắc đình làng, đại diện cho một giai đoạn phát triển xã hội về nhiều mặt và tiêu biểu đó là giá trị văn hóa nghệ thuật.

Qua nghiên cứu về đình Liên Hiệp thuộc địa phận Thành phố Hà Nội, tác giả nhận thấy ngôi đình này gìn giữ được rất nhiều các mảng chạm khắc có giá trị nghệ thuật và giá trị lịch sử cao. Với tính chất của không gian kiến trúc mở mà đình Liên Hiệp đã được mang nhiều hình thức chạm khắc rất độc đáo dưới bàn tay của những nghệ nhân chạm khắc dân gian. Mỗi mảng chạm khắc trang trí ở những vị trí khác nhau trong đình hầu như đều mang những nội dung khác nhau có thể xếp vào đề tài: tín ngưỡng, đời sống sinh hoạt, thực vật và động vật, với nhiều thủ pháp tạo hình, kỹ thuật chạm khắc độc đáo.

Những giá trị đó nếu có thể được đưa vào nội dung giảng dạy của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật sẽ giúp họ có thêm kiến thức về vốn cổ dân tộc, giúp các em có thể hiểu và yêu thêm một phần giá trị đáng quý của chạm khắc đình làng. Từ đó mở rộng vốn chuyên môn của bản thân cũng như có thể truyền đạt lại cho học sinh các giá trị nghệ thuật truyền thống sau này.

Từ nguyện vọng của bản thân cũng như hiện tại là một học viên của lớp Lý luận và dạy học bộ môn Mỹ thuật tôi muốn mình có thêm kiến thức để có thể ứng dụng vào việc dạy về vốn cổ nói chung và vẻ đẹp của các mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp nói riêng. Tôi đã chọn đề tài “Nghệ

thuật chạm khắc đình Liên Hiệp ứng dụng vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật” để nghiên cứu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nhắc đến mảng vốn cổ dân tộc hay chạm khắc đình làng thì đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu lớn nhỏ, các bài viết có giá trị lớn như:

Phan Cẩm Thượng (1997), *Điều khắc cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật. Cuốn sách này mặc dù phần lớn là dành cho hình ảnh và chỉ có một phần về lý luận nhưng nó thể hiện sự công phu, tỉ mỉ trong việc sưu tầm cũng như đã được dày công in ấn các hình ảnh đẹp về chạm khắc trong đình làng. Ngoài công trình nghiên cứu này ra, nhà phê bình mỹ thuật Phan Cẩm Thượng còn có rất nhiều các bài báo, công trình nghiên cứu có giá trị cao về vốn cổ dân tộc. Như Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb Mỹ thuật; Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, *Mỹ thuật ở làng*, Nxb Mỹ thuật

Một tác giả nữa có rất nhiều cuốn sách, công trình nghiên cứu về đình, chùa Việt Nam, đó chính là Chu Quang Trứ với cuốn sách *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, xuất bản năm 1996 tại nhà xuất bản Mỹ thuật, cuốn sách này nói về kiến trúc của Việt Nam qua một số thời kỳ, trong đó có kiến trúc của đình làng. Hay như Chu Quang Chứ, Trần Lâm Biền (1975), *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam (qua các bản rập)*, Viện Nghệ thuật; Chu Quang Trứ (Tái bản 2000), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật...

Trần Đình Tuấn (2016), *Hình tượng con người trong nghệ thuật chạm khắc đình làng vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb Lao động. Đây là cuốn sách chuyên khảo về hình tượng con người trong chạm khắc đình làng nói chung, đình làng vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nói riêng. Qua đó người đọc có kiến thức chung về đình làng, chạm khắc đình làng cũng như các giá trị nghệ thuật của hình tượng con người trong các mảng chạm đó.

Nguyễn Thắng Vu (chủ biên, 2006), *Nghệ thuật Việt Nam*, Nxb Kim Đồng. Đây là cuốn sách nói đến nghệ thuật của người Việt tổng quát nhất, các thời kì của nghệ thuật Việt Nam đều được nhắc đến bằng tư liệu, hình ảnh. Trong đó có các tư liệu nói đến đình làng Việt Nam trong phần “To như cái đình” với giá trị nghệ thuật cao của chạm khắc và kiến trúc đình làng.

Nguyễn Hải Phong - Nguyễn Đức Bình - Trần Thị Biền - Tạ Xuân Bắc (2002), *Hình tượng con người trong chạm khắc cổ Việt Nam*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật. Đây là công trình nghiên cứu của một nhóm tác giả thuộc Viện Mỹ thuật, cuốn sách nói về hình tượng con người trong các chạm khắc cổ của Việt Nam trong đó có mảng chạm khắc ở đình làng.

PGS.TS. Trần Lâm Biền (1993), *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội; Trương Duy Bích (1984), “Điều khắc đình làng”, tạp chí Văn hóa dân gian đều là những cuốn tài liệu hay, nghiên cứu chuyên sâu về mỹ thuật cổ Việt Nam.

Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Cự (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một công trình nghiên cứu có giá trị chuyên sâu về đình làng. Nhiều kiến thức về đình làng từ nguồn gốc, chức năng cho đến các giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình làng được các tác giả nghiên cứu kĩ lưỡng. Trong đó có những lời giới thiệu về ngôi đình, các hình ảnh về các mảng chạm khắc đình làng. Từ đó, cho người đọc cái nhìn sâu và rộng hơn về chạm khắc đình làng.

Trong những tài liệu nói về chạm khắc cổ nói chung hay chạm khắc đình làng nói riêng, các mảng chạm khắc của đình làng Liên Hiệp đã được nhiều nhà sử học, Mỹ thuật học nghiên cứu tìm hiểu về các giá trị của nó, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đưa vẻ đẹp của chạm khắc đình làng Liên Hiệp vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc

của sinh viên. Như vậy đề tài của tôi có phần mới không trùng lặp, nhằm giúp sinh viên có thêm tài liệu tìm hiểu và ứng dụng được nét đẹp của chạm khắc đình làng Liên Hiệp vào bài học của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Khai thác vẻ đẹp chạm khắc đình Liên Hiệp để ứng dụng vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ được giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình làng Liên Hiệp.
- Ứng dụng vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp ứng dụng vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Các mảng chạm khắc đình Liên Hiệp
- Bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra, điền dã: Đây là phương pháp mang tính đặc trưng trong nghiên cứu. Đề tài vừa có sự liên quan đến chạm khắc ở đình làng Liên Hiệp, lại vừa gắn với việc đưa vào giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên nên trong quá trình điều tra, điền dã có thể phỏng vấn, ghi Nghiên cứu, chụp ảnh... để có nguồn tư liệu phục vụ cho nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Những vấn đề lí luận của đề tài đòi hỏi phải có sự nghiên cứu kĩ các tài liệu, các công trình nghiên cứu có giá

trị đã được công bố, sau đó tổng hợp và xử lý thông tin. Nhất là với những tài liệu liên quan đến chạm khắc đình làng, các giá trị nghệ thuật của chúng và bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành SPMT.

- Phương pháp so sánh: Nhằm giúp chúng ta sự so sánh kết quả của việc thực nghiệm giữa kết quả của đối chứng và thực nghiệm để cho thấy được mặt tích cực của việc ứng dụng nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành SPMT, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương.

6. Đóng góp của luận văn

Nghiên cứu này có thể phần nào đưa được những giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình Liên Hiệp vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.

Là nguồn cung cấp thêm tài liệu trong bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

Từ kết quả đạt được, luận văn có thể góp phần giúp sinh viên biết yêu vốn cổ dân tộc và có những kiến thức về chạm khắc đình làng từ đó ứng dụng được vào bài học thực tế của mình.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, danh mục Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm 02 chương.

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2. Giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình Liên Hiệp ứng dụng vào giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

1.1.1. *Vốn cổ*

Hiện nay khái niệm Vốn cổ vẫn chưa có một khái niệm chính xác nào được đưa ra. Vốn cổ được hiểu theo nghĩa đơn giản nhất là những giá trị văn hóa (vật chất và tinh thần) của lịch sử để lại.

Theo Tập Đề cương bài giảng nghiên cứu vốn cổ dân tộc (tài liệu dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm Mỹ thuật) thì Vốn cổ được quan niệm rằng: “Di sản quý báu đó được hun đúc, trải nghiệm rõ nét trong nhiều thời kỳ khác nhau bộc lộ qua cách nhìn, cách thể hiện trên các sản phẩm văn hóa vật thể, phi vật thể.”[31, tr.5]

“Vốn cổ là những gì còn lưu giữ lại từ các thế kỷ trước có tầm ảnh hưởng lớn với con người thời hiện đại. Có thể coi đó là những chuẩn mực không đơn thuần mang tính xưa cũ mà là những gì cần được bảo tồn, phát huy giá trị cho hậu duệ, chứa đựng những giá trị sâu sắc mang bản sắc dân tộc và thời đại.”[8, tr.2]

Vốn cổ - Di sản văn hóa Việt Nam mang nhiều giá trị về mặt vật chất và tinh thần, chúng là đại diện cho tinh thần của một cộng đồng từ mức độ làng xã cho đến một quốc gia, từ một thời kì ngắn cho đến lịch sử hình thành và phát triển của cả dân tộc. Với những giá trị to lớn của vốn cổ trong lịch sử nước Việt Nam suốt dọc chiều dài từ hình thành cho đến giữ nước và phát triển ngày, các giá trị ấy đã, đang và sẽ luôn được công nhận, tôn trọng và bảo tồn.

Vốn cổ có thể được tồn tại dưới hai dạng đó là vật thể và phi vật thể.

Vốn cổ dù tồn tại ở dạng vật thể hay phi vật thể đi chăng nữa thì chúng vẫn luôn là một tài sản quý báu không chỉ của riêng một địa phương có vốn cổ đó mà nó còn là của cả quốc gia, thậm chí là của nhân loại. Nếu

chúng ta không gìn giữ một cách cẩn trọng, không giành tâm huyết, công sức và thời gian cho việc bảo tồn vốn cổ thì một khi chúng bị mất đi sẽ không lấy lại được, và các thế hệ tiếp theo sẽ không có cơ hội để nghiên cứu, tìm hiểu, quan sát chúng như một giá trị hiện hữu.

Mỗi dân tộc lại có vốn cổ mang đậm tính truyền thống văn hóa của riêng dân tộc mình, đó là vốn cổ dân tộc. "Vốn cổ dân tộc là những công trình nghệ thuật của cha ông ta truyền từ đời này qua đời khác, trở thành nét truyền thống văn hóa mang bản sắc dân tộc. Vốn cổ dân tộc bao gồm nhiều thể loại, lĩnh vực khác nhau".[26, tr.1]

Vốn cổ dân tộc như một bức tranh sống động miêu tả lại thời điểm ra đời của chúng và chân thực nhất, sống động nhất phải kể đến vốn cổ dân tộc trong nghệ thuật tạo hình. Chúng được gắn liền với các công trình mang tính đồ sộ, hoành tráng như đình, chùa, miếu mạo, hay những dòng tranh dân gian vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay mặc dù chúng không còn nguyên vẹn.

Ngày nay vốn cổ của dân tộc đã bị mất đi rất nhiều do nguyên nhân về thời gian, con người, do hậu quả của các cuộc chiến tranh và do cuộc sống hiện đại dần khiến con người bỏ đi những gì “xưa cũ” đã phá hủy rất nhiều những vốn cổ có giá trị. Các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu đang rất nỗ lực để có thể bảo tồn một cách tốt nhất các giá trị của vốn cổ dân tộc, cũng như việc nâng cao nhận thức cho người dân về việc tôn trọng, bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của đất nước.

Rất cấp bách để chúng ta có thể bảo tồn những gì còn lưu giữ được đến ngày nay, giữ gìn vốn cổ cũng như bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đây là một công việc rất khó đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội để lưu giữ vốn cổ cho con cháu đời sau.

1.1.2. Đình làng

Trong cuộc sống hàng ngày của người Việt Nam thường hay sử dụng từ “cái Đình” khi nhắc đến một việc gì to, hoành tráng, quan trọng như “To như cái đình”, “việc tày đình”... Đình làng cứ như thế đi dần và ăn sâu vào tâm thức của người dân làng xã. Đình trở lên quan trọng, thân thiết được người dân nhắc đến trong những câu ca dao, tục ngữ đầy yêu thương, tình cảm như:

“Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngòi thương mình bấy nhiêu”;
“Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen”...

Đình làng được coi là một biểu tượng mang tính cộng đồng, tại đây diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của làng xã thời bấy giờ. Đình là nơi thờ Thành hoàng làng, là nơi diễn ra các lễ hội, nơi bàn bạc, giải quyết việc làng. Đình còn được dùng làm chỗ đón tiếp các quan lại của triều đình, là nơi nghỉ chân của vua...

Hiện nay, không phải làng nào cũng còn gìn giữ được đình làng còn nguyên dáng vẻ ban đầu, tuy nhiên hình ảnh ngôi đình đã ăn sâu trong tiềm thức mỗi người Việt đó là sự hoành tráng của ngôi đình với mái đình xòe rộng và thấp được đặt trên những cột đình đồ sộ, và nếu chỉ có thế thì chúng ta sẽ có cảm giác nặng nề và tối. Tuy nhiên cảm giác đó đã không còn do mái đình được thiết kế với những những đầu đao cong vút lên tạo sự thanh thoát, bay bổng và ánh sáng tự nhiên hắt vào nhờ lối kiến trúc mở độc đáo của đình làng. Đình còn được coi là một kiến trúc đặc biệt, nó được gắn với các chức năng chính: tôn giáo, hành chính.

Như vậy Đình làng vừa là một biểu tượng, lại vừa là một kiến trúc văn hóa độc đáo mang tính cộng đồng cao. Đình làng được khoác lên mình một giá trị lịch sử, giá trị tinh thần to lớn, có ý nghĩa quan trọng trong đời sống

mỗi người dân ở làng xã. Đối với lịch sử, chúng còn là một cuốn sử ghi lại cuộc sống của người dân thời bấy giờ một cách chân thực nhất, bằng những nét đục, chạm lên các cấu kiện bên trong ngôi đình, vừa mang tính chất trang trí vừa lưu giữ lại cho đời sau một cách chân thực nhất về tư tưởng, cuộc sống thường ngày của người dân ở mỗi làng xã. Ở đó những người thợ đã sử dụng phương pháp chạm khắc để lưu lại những hoạt động diễn ra hàng ngày trong đời sống sinh hoạt của người dân một cách bình dị nhất.

1.1.3. Chạm khắc

1.1.3.1. Chạm khắc

Chạm Khắc theo *Từ điển thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông*: “Chạm khắc là vạch ra những đường nét, hình hài, làm trũng sâu xuống từ một bề mặt cứng như gỗ, kim loại, đá... bằng dụng cụ nhọn sắc hoặc bằng phương pháp ăn mòn hóa học.” [16, tr.37]

Chính điều này đã tạo ra những hiệu quả nghệ thuật không ngờ. Mỗi nét đục lại có độ nông sâu, to nhỏ khác nhau, độ mạnh yếu của tay người thợ đục chạm cũng không đồng đều, từng phản ứng hóa học luôn cho ra kết quả mà người nghệ sĩ khó có thể biết chính xác được. Vì thế đã tạo nên vẻ đẹp như ngẫu hứng của các tác phẩm đẹp.

Ngày nay các chất liệu để chạm khắc đã phong phú hơn rất nhiều, các nghệ sĩ, có thể thoải mái thể hiện tác phẩm của mình trên gỗ, đá, thạch cao, kẽm, kim loại... với sự hỗ trợ các dụng cụ khắc sắc nhọn. Một điểm đặc biệt trong khi thực hiện các loại tranh khắc đó là hình được khắc trên tấm ván hay chất liệu khác thì cũng cần khắc ngược để khi in ra mới có tranh xuôi. Nhưng với chạm khắc đình làng, các nghệ nhân chạm khắc trực tiếp lên trên các cấu kiện gỗ chứ không phải loại tranh in ra, nên không có quá trình này. Không chỉ có họa sĩ mới sử dụng chạm khắc mà nhất là các nhà điêu khắc, họ khắc các tác phẩm của mình vào nhiều chất liệu (gỗ, đá...) để tạo nên một tác phẩm nghệ thuật có giá trị tồn tại lâu dài.

Chính nhờ đặc điểm có tính bền của chất liệu mà chúng ta còn gìn giữ được các mảng chạm khắc trên gỗ, trên bia đá của cha ông để lại đến ngày nay. Đặc biệt các mảng chạm khắc ở đình làng của những nghệ nhân dân gian đã tạo cho ngôi đình một giá trị nghệ thuật mang tính trang trí cao.

Trong chạm khắc đình làng chúng ta thường thấy các tác phẩm được tạo nên có sự hoành tráng, đồ sộ và những giá trị nghệ thuật đỉnh cao của nghệ thuật đình làng là nhờ có những kỹ thuật chạm như: Chạm lộng, chạm kênh bong, chạm nổi...

1.1.3.2. Chạm Nổi

Chạm nổi là một trong những kỹ thuật chạm xuất hiện nhiều ở các đình làng, hình thức chạm này là “Một hình thức nghệ thuật mà hình tượng được diễn tả trên mặt phẳng bằng độ đục chạm nông sâu khác nhau (trên gỗ, sừng, ngà, đá, kim loại...)”. [24, tr.50]

Kỹ thuật chạm nổi được chia thành 3 loại, tùy theo mức độ chạm nông, sâu có: chạm nổi thấp, chạm nổi vừa và chạm nổi cao. Tùy theo ý định diễn tả các hình tượng mà các nghệ nhân có cách chạm nổi khác nhau, và mỗi kỹ thuật lại phù hợp với chất liệu để chạm khắc:

- Chạm nổi thấp: Các hình tượng được chạm với độ nổi rất thấp, đủ để diễn tả độ tương quan tương đối giữa hình khối của đối tượng miêu tả. Chạm nổi thấp thường được thể hiện trên kim loại (đồng, vàng, bạc,...) hoặc thể hiện hoa văn trên mặt phẳng bức chạm để làm nền cho các hình tượng khác (như nền mây hoa trong các bức chạm đá thời Lý; nền vân gấm, nền triện trên các bức hoành phi, câu đối cổ). [24, tr.50]

Chúng ta có thể hiểu ngắn gọn Chạm nổi thấp là kỹ thuật chạm mà các hình tượng được khắc không cao hơn nhiều so với nền, chúng thích hợp với các chất liệu có bề mặt kim loại, trên hoành phi...

- Chạm nổi vừa: Các hình tượng được diễn tả có độ nổi cao hơn loại chạm nổi thấp. Nhưng những độ cao nhất của các hình tượng vẫn nằm trên một mặt phẳng tương đối (như những bức chạm đá ở dọc theo hành lang và cầu đá chùa Bút Tháp - Bắc Ninh). [24, tr50]

Ở kỹ thuật chạm này, theo như nhận định của Trần Đình Tuấn thì chạm nổi vừa thường được sử dụng trên chất liệu đá và các hình tượng được diễn tả có độ cao tương đối so với mặt nền. Chúng mang tính kỹ thuật cao hơn chạm nổi thấp.

- Chạm nổi cao: Các hình tượng được chạm với độ nổi cao, dường như chúng được đắp lên trên mặt phẳng nền. Chạm nổi cao tạo nên độ tương phản mạnh giữa khối nổi thu ánh sáng và những hốc tối sâu do bị thiếu ánh sáng để diễn tả những đề tài gây ấn tượng thẩm mỹ mạnh mẽ do hình khối của hình tượng gần với hiện thực hơn. [24, tr50]

Kỹ thuật chạm nổi cao này nó tạo được hiệu quả về ánh sáng và không gian tốt hơn hẳn hai loại chạm nổi trên, và chúng tạo được hiệu quả thẩm mỹ nhiều hơn, cho người xem cảm giác về khối được gắn trên nền.

Như vậy mỗi loại của kỹ thuật chạm nổi lại có những tác dụng riêng phù hợp với hình tượng, nội dung cần diễn tả, mỗi loại sẽ cho ra những hiệu quả thẩm mỹ khác nhau mà người thợ, người nghệ sĩ muốn thể hiện. Trong đó có thể thấy chạm nổi cao là gây được hiệu quả thẩm mỹ hơn cả, do chúng bắt được ánh sáng tạo ra hiệu quả khối cao hơn hai loại còn lại. Chỉ với kỹ thuật chạm nổi ta đã thấy được sự phong phú trong kỹ thuật chạm khắc và hiệu quả của chúng trong thể hiện.

1.1.3.3 Chạm kênh bong

- Chạm bong (chạm kênh, chạm kênh bong): kỹ thuật dân gian chạm khắc trên gỗ mà một số thành phần của bức chạm được

chạm cao nên gần như tách ra khỏi mặt nền. Lối chạm này tạo nên nhiều lớp cao thấp nhằm diễn tả chiều sâu không gian, khẳng định những hình tượng chủ yếu của các bức chạm (...). Kiểu chạm này được chạm nhiều trên các thành phần kiến trúc ở đình, chùa cổ Việt Nam [24, tr49]

Đây là một kỹ thuật chạm khắc độc đáo, các hình tượng thể hiện trong các mảng chạm được đục chạm trên các khối gỗ lớn hoặc ở các xà kèo lớn bong tách hẳn ra, có khi theo nhiều lớp chồng lên nhau. Kỹ thuật này mang đến cho người xem một cảm giác hình ảnh được tách hẳn ra khỏi thân gỗ, không còn gắn vào nền mà nổi hẳn lên. Cộng thêm vào đó là hiệu quả của ánh sáng hắt vào theo cấu trúc của ngôi đình, gây cảm giác về các mảng chạm được trang trí rất cầu kỳ, những mảng tối, sáng xuất hiện tạo không gian hơn hẳn cách chạm nông hay chạm nổi. Chúng ta còn có thể thấy ở một số nơi còn có sự kết hợp kiểu chạm kênh bong với việc gắn thêm phía ngoài những chi tiết khắc rời, tạo hiệu quả tầng tầng lớp lớp cho các mảng trang trí, tạo thêm hiệu quả. Kiểu chạm kênh bong được sử dụng nhiều trong việc chạm khắc các mảng chạm trang trí đình làng.

1.1.3.4. Chạm Lộng

Chạm lộng được coi là kỹ thuật chạm điêu luyện nhất trong các kỹ thuật chạm khắc đình làng. Nó là kết tinh tài hoa của những nghệ nhân dân gian thời xưa.

Chạm lộng là cách chạm khắc biểu cảm nhất có hiệu quả không gian và hiệu quả khối cao nhất. Đó gần như những pho tượng tròn, lồi hẳn ra, chồng chéo nhiều tầng lớp làm mất cảm giác về nền vốn có của phù điêu. Cả thân gỗ được đục khoét tạo các khoảng trống được luân lách trong khối tượng. Điêu khắc và trang trí chạm lộng thường để mộc và hiện diện cuốn hút mới lạ nhất của nghệ thuật đình làng.

Chạm lộng có sự kế thừa và phát triển, là đỉnh cao của điêu khắc đình làng. Nhờ những sáng tạo của các nghệ nhân cừ khôi, chạm lộng đã tiến một bước tiến tạo nên sự độc đáo. Những biến hoá giàu ngôn ngữ điêu khắc đã làm cho chạm lộng tăng hiệu quả cảm thụ cởi mở, thông thoáng, đa chiều, tạo tương phản không gian sáng - tối, vừa giữ được bố cục thẩm mỹ, tính vững chắc về kết cấu, vừa tạo cảm giác nhẹ nhàng. [31]

Các mảng chạm với kỹ thuật chạm lộng luôn thu hút sự chú ý của người xem bởi vẻ đẹp của nó, dưới ánh sáng tự nhiên hắt vào theo kiến trúc đình làng chúng ta có thể ngắm nhìn các mảng chạm theo các hướng khác nhau “đa chiều”, có những chỗ mảng chạm được khoét sâu vào bên trong, khối gỗ như được khoét rỗng ở phía trong, nhưng bên ngoài các chi tiết được đục chạm vẫn liên kết với nhau rất chắc chắn. Từ trong những khoảng rỗng ấy đã tạo điều kiện để ánh sáng luồn lách vào, tạo nên hiệu quả về khối, hiệu quả không gian tối đa nhất. Các khối tròn không chỉ đơn thuần là một lớp mà chồng lớp nọ lớp kia tạo nên hiệu quả thẩm mỹ cao. Chính điều này đã tạo cho các mảng chạm được nghệ nhân chạm khắc bằng kỹ thuật chạm lộng có một vẻ đẹp “cuốn hút”. Kỹ thuật này đòi hỏi người chạm phải có bàn tay điêu luyện. Chúng ta có thể thấy được kỹ thuật chạm lộng này ở một số đình như: Thụy Phiêu, Thổ Hà, Liên Hiệp...

1.1.4. Dạy – học

Nói về dạy – học chúng ta có rất nhiều quan điểm khác nhau, nhưng nhìn chung chúng đều có một điểm chung đó là dạy và học là hai hoạt động không thể tách rời. Nếu chỉ có hoạt động dạy mà không có hoạt động học thì hoạt động dạy không thể tiến hành.

Dạy là quá trình một người đem kiến thức, kỹ năng... của mình để truyền đạt lại cho người khác thông qua các cách tổ chức, phương tiện để có thể điều khiển tối ưu quá trình người học “chiếm lĩnh tri thức”.

Học là quá trình mà một người chủ động, tự giác, tích cực lựa chọn, tiếp thu, “chiếm lĩnh tri thức” dưới sự điều khiển của người dạy.

Chúng ta có thể thấy “Quá trình dạy học là một quá trình dưới sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của người giáo viên, người học tự giác, tích cực, chủ động tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức – học tập của mình nhằm thực hiện những nhiệm vụ dạy học”[17,tr.139].

Dạy – học nói chung và dạy – học ở cấp bậc đại học nói riêng đều có chung một số điểm đều là quá trình thống nhất, không tách rời của dạy và học. Khái niệm về dạy – học ở bậc đại học cũng đã được các nhà nghiên cứu Giáo dục học đại học đã đưa ra nhiều khái niệm về quá trình dạy học ở đại học. Mỗi cách tiếp cận, mỗi góc độ nhìn nhận khác nhau lại cho chúng ta những khái niệm khác nhau về dạy – học ở đại học.

Nếu tiếp cận theo hướng hoạt động thì ở bậc học đại học, dạy học là một quá trình gồm các hoạt động phối hợp, thống nhất giữa người dạy – giảng viên với người học – sinh viên nhằm giúp sinh viên nắm bắt, chiếm lĩnh được các nội dung học.

Theo quan điểm tiếp cận hoạt động thì dạy học ở Đại học là quá trình hoạt động phối hợp, thống nhất của người dạy và người học nhằm giúp sinh viên chiếm lĩnh nội dung học vấn đại học.

Theo quan điểm tiếp cận nhân cách thì dạy học ở đại học là quá trình hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên – những cử nhân khoa học tương lai.

Dưới ánh sáng của lí luận dạy học hiện đại thì quá trình dạy học ở đại học là quá trình tổ chức, điều khiển và tự tổ chức, tự điều khiển của người dạy và người học.

Theo quan điểm tiếp cận hệ thống phức hợp, dạy học ở đại học là một hệ thống phức hợp được cấu trúc bởi nhiều thành tố có mối quan hệ tương tác với nhau, trong đó dạy và học là hai nhân tố trung tâm, đặc trưng cơ bản nhất [28,tr.117].

Như vậy dù tiếp cận với góc độ nào thì vấn đề dạy và học đều có sự góp mặt của hai yếu tố cơ bản nhất đó là người dạy và người học. Người dạy thông qua các phương tiện, phương pháp... để truyền thụ kiến thức, kỹ năng và người học là người tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng đó một cách chủ động. Và hoạt động dạy – học đại học là một quá trình nhận thức độc đáo và nghiêng nhiều về tính nghiên cứu của sinh viên được tiến hành dưới vai trò tổ chức, điều khiển của giảng viên để có thể hoàn thành các nhiệm vụ dạy học một cách tốt nhất.

1.2. Nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp

1.2.1. Khái quát về Đình làng

1.2.1.1. Nguồn gốc, chức năng

Nguồn gốc của đình làng Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có một mốc chắc chắn nào được xác định, có nhiều ý kiến khác nhau về mốc ra đời của đình làng: người thì cho rằng đình làng có thể được ra đời từ thời Lê Sơ, nhưng những ngôi đình đạt nhiều giá trị nghệ thuật còn tồn tại đến ngày nay thì đó là vào thời Mạc (đình Tây Đằng - Hà Tây). Đình làng được đánh giá là phát triển tới đỉnh cao rực rỡ nhất là vào cuối thế kỷ 17 với một số di tích tiêu biểu còn tồn tại như Phù Lỗ, Thổ Hà (Bắc Giang), Liên Hiệp (Hà Nội).

Trong khi để tìm được mốc đánh dấu sự ra đời của đình làng chưa rõ ràng, thì lí do cho sự ra đời của đình làng lại có lẽ chuẩn xác hơn và có sự thống nhất của nhiều nhà nghiên cứu, đó chính là dựa trên chức năng của đình.

Đình làng xuất hiện với các chức năng: Chức năng tôn giáo, chức năng hành chính. Những chức năng này không tách rời, không phải ở mỗi đình có một chức năng riêng mà chúng đan xen, tổng hòa với nhau. Mỗi chức năng nhằm phục vụ cho các mặt trong đời sống của dân làng.

Trong các đình làng Việt đều có một chức năng chung đó là để thờ cúng các vị thành hoàng làng - đây có thể là người có công lập làng, giữ

làng hoặc người truyền cho làng một nghề truyền thống nào đấy, thậm chí họ có thể là một người vô danh, thân phận thấp kém nhưng vì một nguyên nhân nào đó họ trở thành người có công và được dân làng thờ cúng. Nói chung thành hoàng làng theo quan niệm của dân gian là những người có công với làng, che chở trong đời sống tinh thần của người dân.

Việc xác định các thành hoàng làng là ai? Vì sao được thờ cúng tại các ngôi đình cũng còn nhiều tranh luận. Các thành hoàng nói chung được xếp vào các dạng: thượng đẳng thần (là những vị thần có sức mạnh trong tiềm thức người dân như Thánh Gióng, Chử Đồng Tử... và thần tự nhiên), trung đẳng thần (các nhân vật lịch sử, người có công khai hoang lập làng, lấn biển lập làng) và hạ đẳng thần (những người có công, kể cả những người có xuất thân không cao quý nhưng chết vào giờ thiêng, hoặc những người sau khi mất đã báo mộng giúp dân làng thoát khỏi các tai ương nên cũng được thờ làm thần).

Để phục vụ cho chức năng tôn giáo, tại các đình làng còn diễn ra các hoạt động tổ chức lễ hội gắn liền với tín ngưỡng của người dân như cầu mùa, cầu mưa, lễ lúa mới... Làng nào cũng có lễ hội của riêng mình, có làng thì vài năm có một hội làng chính.

Theo các nghiên cứu thì đình làng ngoài chức năng tôn giáo còn có chức năng về mặt hành chính, tất cả các công việc hành chính của làng đều diễn ra tại sân đình, dưới mái đình. Từ chuyện hội họp, thu tô thuế hay bắt phu lính... cho đến việc phạt vạ các cô không chồng mà chửa đều...

Những hoạt động hành chính đó được diễn ra ở sân đình với vai trò của Mõ như một “trưởng ban thông tin” và sự xuất hiện với các vị có chức sắc trong làng như Chánh tổng, Lý trưởng... Mỗi làng đều có quy định của riêng mình theo phong tục, đời sống của dân làng (như đàn bà, con gái không được vào trong đình, con trai thì trên 18 tuổi...), và các việc làng

được giải quyết dựa vào bản hương ước của làng. Đôi khi cái “lệ làng” này lại có sức mạnh còn lớn hơn cả các bộ luật của nhà nước, nên mới có câu “phép vua thua lệ làng” là như thế.

1.2.1.2. Nghệ thuật Chạm khắc Đình làng

- **Đặc điểm**

Các mảng chạm khắc trong đình làng hầu hết đều nằm trên các cấu kiện gỗ, chúng được những người thợ đục, chạm khắc trên các cấu kiện ấy với những hình ảnh sống động mang tính chất tâm linh hoặc sinh hoạt đời thường.

Nghệ thuật chạm khắc đình làng đều mang một số đặc điểm chung, qua đó thể hiện được nét riêng của người Việt:

Các phù điêu - mảng chạm khắc được các nghệ nhân đục, chạm bằng những nhát đục dứt khoát, thô mộc và thoải mái không bị gò ép, không làm theo khuôn thước, không đòi hỏi độ chau chuốt cao.

Một điểm đặc biệt là chúng ta thấy rất ít tượng tròn trong điêu khắc đình làng, mà thường chỉ có những mảng chạm, phù điêu được kết hợp và bổ sung cho các kết cấu kiến trúc bằng gỗ.

Bố cục của các mảng chạm đa dạng và không có khuôn mẫu nào cố định, vì các mảng chạm được gắn liền với các cấu kiện gỗ, các phần chịu lực của kiến trúc đình nên dựa theo vị trí cũng như hướng của các cấu kiện đó mà các nghệ nhân có bố cục cho phù hợp tất cả đều vẫn rất hợp lý vì theo sự “thuận mắt”...

Đề tài các mảng chạm khắc rất phong phú: đề tài phản ánh cuộc sống người dân thời bấy giờ, đề tài tín ngưỡng, tôn giáo cũng chiếm vị trí quan trọng trong không gian trang trí của đình. Đặc biệt hình tượng người phụ nữ được thể hiện nhiều và phong phú.

Ở chạm khắc đình làng luôn mang tính khái quát cao trong thủ pháp tạo hình. Các nhân vật, các hoạt cảnh được diễn tả một cách có trọng tâm, giản

lược về hình thức đưa người xem đến với nội dung chính cần phản ánh và sử dụng các hình thức đan xen như trang trí với tả thực, đường nét và hình khối v.v .

Như vậy qua sự phát triển của nghệ thuật chạm khắc đình làng có thể nhận ra được các đặc điểm chung của chúng như: giàu tính nhân văn, phản ánh hiện thực cuộc sống đầy chất mộc mạc, hồn nhiên và phong phú sinh động, mang tính khái quát cao trong các thủ pháp tạo hình.

- Vai trò

Đầu tiên phải nói tới đó là vai trò trang trí cho đình làng, nếu bước vào một ngôi đình chỉ toàn là những cấu kiện gỗ thô mộc thì có lẽ ít người muốn bước vào. Ngôi đình thường có kiến trúc khá khác so với các kiến trúc cộng đồng khác như chùa, đền... Nó có bộ mái to, nặng nằm trên các cột cái. Mái đình chiếm khá nhiều diện tích, chiều cao của toàn bộ ngôi đình. Tuy nhiên chúng ta lại không hề cảm thấy sự nặng nề đó là do ngôi đình đã được trang trí cả nội và ngoại thất. Bên ngoài, trên các mái từ những bờ nóc, bờ giải được gắn các gạch có hình hộp rỗng và được trổ hoa chanh, hình rồng; các đầu đao thì cong vút lên tạo được một vẻ thanh thoát cho ngôi đình, đỡ được cái cảm giác nặng nề của bộ mái. Còn ở phía trong ngôi đình nơi có các mảng chạm khắc được trang trí trên các cấu kiện gỗ. Ngôi đình được trang trí với những mảng chạm độc đáo đã thoát ra khỏi cái dáng vẻ thấp, nặng ấy mà trở nên sinh động, tươi vui. Ví như đoạn nhật xét của nhà nghiên cứu Nguyễn Du Chi trong cuốn *Trên đường tìm về vẻ đẹp của cha ông*:

Nghệ thuật trang trí nội thất trong kiến trúc đình làng cũng là nét nổi bật đáng chú ý. Vào các thế kỉ XVI, XVII là thời kỳ nghệ thuật chạm khắc trang trí phát triển mạnh mẽ nên các đình làng được chú ý trang trí rất nhiều. Hầu như các thành phần xưa chạm thành những hình mẫu có giá trị nghệ thuật thu hút sự chú ý của

người xem. Nhiều thành phần kiến trúc do yêu cầu kỹ thuật cục mịch và nặng nề như các đầu sư, đầu bầy, đã được biến thành những đầu rồng ngậm ngọc sinh động. Những tai cột trang trí rồng, mây lửa và chim thú rất vui mắt. Đến mỗi người xem có cảm tưởng như các nghệ nhân cố tình tạo ra để trang trí cho đẹp kiến trúc, chứ không phải do kỹ thuật xây dựng [3, tr171].

Nhà Phê bình mỹ thuật Phan Cẩm Thượng đã từng nói “Nếu xếp vài nghìn mét phù điêu từ hàng trăm ngôi đình còn lại liền với nhau ta sẽ có một bức toàn cảnh đồ sộ về đời sống làng Việt Nam với hàng vạn nhân vật”.

Như vậy các mảng chạm khắc ở đình làng ngoài vai trò là để trang trí làm đẹp cho đình thì còn một vai trò lớn hơn đó là gìn giữ giá trị văn hóa, giá trị tinh thần, giá trị văn hóa cho đời sau. Chúng được coi như những cuốn phim ghi lại đời sống người dân thời bấy giờ. Nhờ có chúng mà các thế hệ sau vừa hiểu được đời sống của cha ông lại có được một di sản văn hóa lớn.

1.2.2. Khái quát về đình Liên Hiệp

Với quãng thời gian tồn tại của những ngôi đình tương đối dài thì việc gìn giữ được những giá trị văn hóa, giá trị nghệ thuật của các đình là một việc khó khăn và cần sự đồng lòng của dân làng. Trong số những ngôi đình có giá trị lớn về mặt văn hoá, tinh thần và nghệ thuật chúng ta còn gìn giữ được cho đến ngày nay như đình Chu Quyến, Liên Hiệp, Tây Đằng... (Hà Nội), Phù Lão (Lạng Giang - Bắc Giang)...thì đình Liên Hiệp gây được nhiều ấn tượng mạnh mẽ không chỉ với các nhà mỹ thuật mà còn với du khách bởi chính vẻ đẹp của những mảng chạm, những phù điêu tinh xảo được chạm trổ công phu.

Đình Liên Hiệp thuộc địa phận thành phố Hà Nội được dựng vào thế kỷ 17 với một tập hợp kiến trúc mở gồm có Ao đình, sân đình, nhà Phương

đình (bái đình) sau đó là toà Đại đình và nằm sau cùng là hậu cung. Nhờ tính chất của không gian kiến trúc mở mà đình Liên Hiệp đã được mang nhiều hình thức chạm khắc rất độc đáo (tận dụng nguồn sáng tự nhiên) dưới bàn tay của những nghệ nhân chạm khắc dân gian. Mỗi mảng chạm khắc trang trí ở những vị trí khác nhau trong đình hầu như đều mang những nội dung khác nhau có thể xếp vào đề tài: tín ngưỡng, đời sống sinh hoạt người dân, động - thực vật.

Đình Liên Hiệp hay còn thường được biết đến là đình Hạ Hiệp hoặc đình Kẻ Hiệp nay thuộc thôn Hạ Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đình Liên Hiệp ngày nay nằm giữa khu dân cư đông đúc, hai mặt có con đường thôn chạy bên cạnh, muốn vào đình chúng ta phải đi vào từ cổng phía sau và sát cạnh hậu cung. Niên đại của ngôi đình này cho đến nay vẫn chưa thật chuẩn xác, theo cụ Tăng (Cụ từ coi đình) thì cho rằng nó có trên dưới 400 tuổi, còn theo một số nhà nghiên cứu của viện mỹ thuật thì mốc xây dựng đình là vào khoảng năm 1663, có lẽ xác định được mốc chính xác là rất khó và còn nhiều ý kiến nhưng điều sát thực đó là đình đã được cất lên vào thế kỷ thứ 17.

Vị Thành Hoàng làng được thờ tại đình là vị tướng Hoàng Đạo. Ông được sinh ra sau khi bố mẹ đi cầu tự tại chùa Thầy, về đêm mộng thấy Hoàng Vân nhất đoá, sau sinh hạ được ông nên đặt tên là Hoàng Đạo. Ông là vị tướng giỏi theo Hai Bà Trưng đánh giặc sau về đến Bãi Vân (Hạ Hiệp) và hoá tại đó. Nay mộ ông vẫn còn, sau dân làng lập đình và rước ông về thờ tại hậu cung.

Hàng năm cứ đến ngày 12/3 (âm lịch) làng lại tổ chức lễ hội tại Đình Liên Hiệp, đây chính là ngày giỗ của vị hoàng làng - Hoàng Đạo và cứ 5 năm một lần dân làng lại tổ chức hội lớn có lễ rước nhà ngài từ quán Hạ (nơi đặt phần mộ của ông) về Đình. Tại mỗi dịp lễ hội diễn ra lại có rất

nhiều trò vui, hội thi như chơi gà, vật, bắt vịt, vắn củ chuối, đi cây tre đốt hương ở ao, đánh cờ .v.v. nhưng nay thời gian mai một đi chỉ còn một số trò: đánh cờ, đấu vật...

Hiện nay Đình Liên Hiệp đang lưu giữ tới 27 điều sắc phong (kể từ thời Lê Trung Hưng đến các đời vua Nguyễn) ghi nhận công lao của đức tướng công Hoàng Đạo, tự hào vì ngôi đình đang lưu giữ trong mình nó những giá trị vô cùng to lớn về mặt văn hoá và nghệ thuật.

Các mảng chạm khắc tại đây là một minh chứng lịch sử lưu giữ hơn 400 năm và để lại nhiều ấn tượng mạnh đối với những người yêu vốn cổ bởi giá trị nghệ thuật của chúng.

Với một lối kiến trúc mở như bao ngôi đình khác đều có ao, sân đình, nhà tiền tế và đại đình, nằm cuối là hậu cung. Không gian của đình không quá rộng nhưng toà đại đình vẫn có đủ 3 gian 2 chái với những cột đình tương đối lớn (đặc biệt là hai cột cái là 2 thân gỗ to vẫn còn nguyên vẹn). Tại toà đại đình này đang lưu giữ các mảng chạm khắc như đi săn, đánh cờ, tiên cưới rồng .v.v. tất cả đều tạo nên bởi kỹ thuật điêu luyện, óc sáng tạo của những nghệ nhân chạm khắc dân gian. Ngoài toà đại đình thì tại nhà tiền tế (đại bái) có kiến trúc chồng diêm 2 tầng, cũng là 3 gian 2 chái và trên các xà nách có chạm trổ hoa lá, rồng phượng.

Sơ đồ giản lược về ngôi đình Liên Hiệp [xem phụ lục 1, tr.73]

1.2.3. Một số đề tài trong chạm khắc đình làng Liên Hiệp

Đình Liên Hiệp nằm trong hệ thống đình làng Bắc Bộ do đó nó mang những đặc điểm chung của chạm khắc đình làng về đề tài, kỹ thuật chạm khắc, thủ pháp tạo hình. Tại đây có hệ thống đề tài, các hình ảnh, hoạt cảnh được miêu tả rất phong phú, đem đến cho ngôi đình này một sức hấp dẫn riêng.

Chủ đề nổi bật lên với nhiều mảng chạm khắc nhất có lẽ là đề tài về đời sống sinh hoạt của người dân, nó được chiếm nhiều nhất không gian

của các mảng chạm ở trong đình này. Từ các hình ảnh của một cuộc đấu cờ cho đến những hoạt cảnh của cuộc đi săn hay cảnh vui đùa, trêu gẹo của các đôi trai gái của... Người xem có thể thấy được một cuộc sống rất chân thực và sinh động, nhẹ nhàng, vui tươi chứ không phải là hình ảnh lao động “chân lấm tay bùn”, không gò ép của “lệ làng”. Các mảng chạm cho ta cảm giác về một cuộc sống trôi qua êm đềm, nhẹ nhàng.

Các mảng chạm trong chủ đề đời sống sinh hoạt tại đình Liên Hiệp có thể kể đến như các bức (tên theo cách gọi của người trông coi đình): Đánh cờ; trọi trâu; cưỡi ngựa; đi săn; hái nọ hái hoa; đấu vật; ôm gà đi chơi...

Bức “Đi săn” nằm trên kẻ bầy của tòa đại đình hay còn một cách đặt tên khác là “Quan quân cướp bóc”, có hai cách gọi như vậy là do các hình ảnh trên mảng chạm cho người xem có thể suy đoán theo hai chiều khác nhau. Trên bức chạm có cảnh người cưỡi ngựa, kẻ quỳ bắn, kẻ khiêng lợn mà là hình ảnh của lợn nhà, rồi có cả hình ảnh của hai con hổ ở hai góc dưới của bức chạm. Người xem có thể nhận định đây là đi săn với người bắn, con hổ và khiêng lợn nhà làm mồi nhử, nhưng có người lại nghĩ rằng đây là cảnh quan quân đi cướp vì có kẻ trên ngựa, người quỳ bắn lại khiêng lợn nhà như kết quả của vụ cướp bóc. Các hình ảnh cứ đan xem vào nhau gây cho người xem sự tò mò về ý nghĩa thực sự của mảng chạm này, nhưng điều người xem cảm nhận rõ nhất đó chính là không khí khẩn trương, sôi nổi của các nhân vật trong hoạt động. [Xem phục lục 2, Ảnh 1, tr.74]

Trái với không khí sôi nổi của mảng chạm trên kẻ bầy lại là không khí yên lặng, thoải mái của cuộc đấu trí trong ván cờ. Bức đánh cờ không tạo nên căng thẳng của cuộc đấu trí mà gương mặt người chơi lại mỉm cười, có thể thấy niềm vui an nhàn.

Cùng với không khí vui chơi, lễ hội ấy còn có một số đề tài với những nét chạm khắc thoải mái như: đấu vật, ôm gà đi chơi, uống rượu, đá cầu, leo cột mỡ, hái hoa hái nọ, tất cả nói lên một cuộc sống yên lành, vui vẻ),

và tinh thần thượng võ, ý chí cao. Ở đây không còn cảnh lao động lam lũ, mệt nhọc của người nông dân mà lại là những trò vui hội hè, mọi người thanh thoi toát lên vẻ nhẹ nhõm, tươi vui, dù là thi đấu thì vẫn thấy nụ cười nhẹ nhàng, không hề gay gắt, không màng thắng thua mà chỉ là những trò chơi để giải trí. [Xem phụ lục 2, Ảnh 2, tr.74]

Ở đình Liên Hiệp có hai bức tượng nhỏ (với không gian 3 chiều) nằm trên chót hai cột cái, miêu tả cảnh một chàng trai cưỡi voi và một chàng trai cưỡi ngựa (một hình ảnh lạ vì đây là vùng đồng bằng lại có voi, liệu đây có phải mong ước thuần hóa con thú hoang).

Ngoài ra một số cảnh chạm đời sống sinh hoạt của người dân còn gắn thêm ý nghĩa của tín ngưỡng như nội dung của bức “Miêu tả đời sống sinh hoạt của người dân có thể còn được gắn thêm tín ngưỡng vào đó như tích khi cha mẹ mất mong muốn có mồ yên mả đẹp, con cái có thể táng mộ phần ở những khu đất đẹp như táng ở “hàm rồng” mang lại hạnh phúc, ấm no, phát lộc cho con cháu trong bức chạm “Mả táng hàm rồng”...

Tại đình Liên Hiệp mặc dù chủ đề về đời sống sinh hoạt chiếm số lượng lớn thì những mảng chạm về đề tài tôn giáo tín ngưỡng tuy ít về số lượng nhưng lại rất đồ sộ và hoành tráng. Khi bước chân vào tòa đại đình, người xem có thể cảm thấy choáng ngợp trước vẻ đẹp tinh tế và sự đồ sộ của mảng chạm nằm ở ngay trên ván gió gian giữa tòa đại đình. Vẻ đẹp và sự hoành tráng của nó có thể khiến người ta bị lôi cuốn mà quên đi ánh vàng son của hương án, của hậu cung. Đây là mảng chạm lớn nhất của tòa đại đình. Theo cụ từ coi đình trên đó còn có hình chạm hình mẹ Âu Cơ và đối diện là chân dung của Lạc Long Quân, cùng truyền thuyết mở nước đưa 50 con lên rừng, 50 con xuống biển. Bên cạnh đó còn là bức chạm Rồng ở (Bức chạm có hình Rồng mẹ với khuôn mặt hiền từ và một bầy rồng con vây quanh và điểm đặc biệt là trong bố cục của mảng chạm này lại có cả hình ảnh con thần lân), một cách sắp xếp các con vật với nhau rất đặc biệt,

bởi rồng là con vật linh thiêng lại được đặt cùng với loài bò sát rất bình thường là con rắn. Ngoài ra hình ảnh cô tiên và con rồng linh thiêng ấy còn xuất hiện ở một số mảng chạm khác có thể kể đến như “Cô tiên múa; Tiên - Rồng - Hươu - Báo, hay như các đầu dư đều chạm khắc hình đầu rồng với nhiều cách thể hiện tinh cảm nhau...”. [Phụ lục 2, Ảnh 3, tr.75]

Bên cạnh đề tài về tín ngưỡng, hội hè của người dân còn có một số mảng chạm về con vật, hoa lá như bức *Chơi Trâu* hoặc những con vật được chạm xen kẽ vào một số bức chạm khác, hay trong bức *Đi săn*, bức chạm hoa trên kẻ bầy... [Phụ lục 2, Ảnh 4, tr.75]

Mỗi bức chạm lại thể hiện một nội dung riêng và tất cả đều thể hiện những mong muốn của người dân. Như quan niệm gia đình đông con, quây quần (Rồng ổ) hay mong ước cuối đời của mỗi người là mồ yên mả đẹp sau này phát lộc cho con cháu (Mả táng hàm rồng). Những bức chạm dân gian ở các ngôi đình được gắn ở nơi mà có ánh sáng hắt, vị trí đặt lại nửa như kín, nửa như lại để phô ra cũng như muốn công khai nói lên mong muốn của mình về cuộc sống nhưng vẫn có sự kín đáo, tế nhị. Dưới bàn tay điêu luyện của các nghệ nhân dân gian chạm khắc dân gian thì các mảng chạm khắc trong đình đã không chỉ còn là vai trò trang trí nữa mà nó trở thành bức tranh về một xã hội thu nhỏ, phản ánh nhiều mặt của cuộc sống người dân mỗi làng xã.

1.2.4. Giá trị nghệ thuật của đình Liên Hiệp

Đình làng Liên Hiệp được đánh giá là một trong những ngôi đình có các mảng chạm khắc mang giá trị nghệ thuật cao. Các giá trị nghệ thuật ấy được thể hiện qua thủ pháp tạo hình cũng như kỹ thuật thể hiện từ đó chúng bộ lộ được sự tài hoa của những người thợ chạm khắc và tư tưởng của họ thể hiện qua các hình ảnh và nét đục chạm.

1.2.4.1. Thủ pháp tạo hình

Một trong những điều làm nên giá trị của nghệ thuật chạm khắc đình làng đó chính là thủ pháp tạo hình. Trong các thủ pháp tạo hình được sử

dụng như đồng hiện, cường điệu, nhiều điểm nhìn... đều cho thấy sự tinh tế trong tạo hình nhưng cũng mộc mạc, hồn nhiên, không gò ép theo một quy luật tạo hình nào. Có thể kể đến các thủ pháp tạo hình:

- Đồng hiện

Đồng hiện có thể dịch nôm là đồng thời cùng xuất hiện và đây là tên gọi dành cho thủ pháp tạo hình thể hiện nhiều cảnh khác nhau như xảy ra ở không gian khác nhau, thời gian khác nhau nhưng được khắc trên cùng một mặt phẳng. Các hình ảnh khi được đưa vào chạm khắc trên cùng một mảng chạm được gắn với yếu tố siêu thực. Ở đình Liên Hiệp, chúng ta có thể thấy ở bức *Mả táng hàm rồng* diễn tả cảnh một chàng trai đang đút hộp nhỏ chứa hài cốt vào miệng rồng, con rồng há mồm như thuận với việc làm của chàng trai. Bên cạnh hình ảnh đó còn có hai người đang đánh vật, bên trên có một người đang ngồi bó gối và trung tâm bức chạm là đầu rồng lớn và 2 rồng nhỏ. Từ những hình ảnh này ta thấy có đặc điểm thật lý thú không chỉ có ở đây mà ở một số ngôi đình khác cũng có đó chính là thủ pháp đồng hiện (cùng một lúc đã diễn ra nhiều hoạt động, nhiều hình ảnh trên cùng một bức chạm. Qua bức chạm *Mả táng hàm rồng* ta thấy được nét chạm đục tinh xảo, khi các nghệ nhân chạm hình tượng con rồng (với những nét chạm cong, uyển chuyển và chi tiết trong khi đó hình tượng chàng trai thì lại có độ khái quát rất cao, mang tính phóng túng của dân gian. Hai phong cách chạm lại có ở cùng một bức chạm thì quả là tài tình, liệu đây là do cùng một nghệ nhân hay là nhiều người cùng sáng tạo nên. Nếu là cùng một người thì thật là tài tình và kỹ thuật đã trở nên điêu luyện, bởi khi vừa chạm xong một hình tỉ mỉ và tinh xảo như đầu rồng mà lại có thể chuyển sang đục hình chàng trai chỉ bằng một vài nhát đục sắc, nhạy. [Xem phụ lục 2, ảnh 5, tr.75]

Khi nghiên cứu các mảng chạm khắc có sử dụng thủ pháp đồng hiện thì một câu hỏi được đặt ra đó là liệu thủ pháp này được tạo ra là do nhiều nghệ nhân cùng chạm trên một mặt phẳng, một phu vực cùng một lúc, nhưng mỗi cá nhân lại có sự tự do trong sáng tác của mình, không ai phụ thuộc ai nên mới có được sự đồng hiện đáng yêu này. Hay chỉ do một người chạm khắc một mảng chạm thì người nghệ nhân đó phải có một sự sáng tạo lớn, trí tưởng tượng rất đáng khâm phục. Một cách thể hiện “bất hợp lý nhưng không vô lý”...

- Cường điệu

Thủ pháp này được sử dụng rất nhiều trong các mảng chạm của đình Liên Hiệp, họ gần như không làm đúng theo quy chuẩn kích thước nào nhằm mang lại sự chú ý cho người xem qua đường nét, hình khối. Khi sử dụng biện pháp này thì các nghệ nhân đã phải có ý đồ trong thể hiện của mình để nhằm làm nổi bật lên một vấn đề nào đó.

Như trong bức *Ôm gà đi chơi* các hình ảnh ở đây thoát nhìn có thể thấy sự bất hợp lý với một người nhỏ bé (cái đầu to hơn bình thường khiến cho người ngấn đi), đang ôm con gà to gần bằng người. Ở đây con gà đã được phóng đại về kích thước nhằm tăng sự chú ý vào đề tài mà người nghệ nhân đang muốn thể hiện. Với các hình ảnh mang tính chất cường điệu này người xem chú ý được ngay đến nét mặt vui tươi của người ôm gà, cũng như con gà mang tính chất là gà chơi rõ nét. Không có các chi tiết cầu kỳ cũng như các hình ảnh làm nền đằng sau, chúng ta vẫn có thể nhận ra đây là “Ôm gà đi chơi”. [Xem phụ lục 2, Ảnh 6, tr.76].

Với tính chất cường điệu này, trong khi thể hiện người nghệ nhân có thể lược bỏ bớt những chi tiết không quá quan trọng để các hình ảnh trở nên có tính khái quát cao, nhưng có những chỗ lại cường điệu quá mức các chi tiết nhằm cho người xem phải chú ý quan sát.

Thái Bá Vân cho rằng:

Chúng (thủ pháp-NVC) tìm một giá trị tự tại, chứ không tìm một giá trị mô phỏng, cho nên, trên đường biểu hiện, chúng sẵn sàng từ bỏ bề ngoài, mà nhận lấy những vô lý trước tự nhiên. Biết bao cánh tay vươn dài gấp đôi, hay teo lại chỉ bằng một phần ba cách tay bình thường. Những tỷ lệ bị ấn tẹt xuống, những khớp xương bị bẻ quẹo, những liên lạc về khối và đường nét không thể có trong không gian thực, thế mà, ở đây, lại hết sức hợp lý và thuận cảm.[33]

Như vậy chúng ta có thể thấy thủ pháp tạo hình *Cường điệu* khi thoát nhìn chúng ta có thể thấy vô lý, nhưng trong không gian của đình làng nó lại trở nên hợp lý, hài hòa và là công cụ để diễn tả tư tưởng của những nghệ nhân chạm khắc.

- Nhiều điểm nhìn

Khi nghe đến cái tên thủ pháp “nhiều điểm nhìn” là ta có thể hình dung ngay ra được thủ pháp này, đó là cùng một thời gian, cùng thể hiện trên một mặt phẳng nhưng các hình ảnh được miêu tả theo nhiều góc nhìn khác nhau. Có thể cái thì được nhìn từ trên cao xuống, cái thì nhìn từ các bên vào... nhưng tất cả vẫn tạo nên được một tác phẩm thuận mắt.

Bức “Đánh cờ” trên cột gỗ được sử dụng thủ pháp đa góc nhìn - nhiều điểm nhìn. Người nghệ nhân đã có cách sáng tạo rất độc đáo hai người ngồi đánh cờ không quay mặt vào nhau mà lại có một người quay ra trực diện góc nhìn người xem, cả hai nhân vật được nhìn bởi góc nhìn ngang nhưng với bàn cờ lại là nhìn từ trên xuống. Phải chăng do các nghệ nhân đã tính được do các mảng chạm đều nằm ở trên cao do đó họ chạm bàn cờ với góc nhìn riêng từ trên xuống để giúp cho người xem có thể quan sát được các nước trên bàn cờ. Nét chạm, đục thoải mái, phóng túng và mang đậm tính khái quát cao nhưng vẫn cho thấy được tình cảm của nghệ

nhân, đó là niềm vui, thư giãn. Bên cạnh sự thoáng đạt ở những nhát đục lớn ta lại bắt gặp một số tiểu tiết như miệng cười, nếp gấp tay áo... làm bật nên cái hồn của mảng chạm khắc. [Xem Phụ lục 2, ảnh 7, tr.76]

- Kết hợp huyền thoại và hiện thực, trang trí và tả thực

Từ trước đến nay khi nhắc đến các yếu tố huyền thoại - hiện thực, trang trí - tả thực là nhắc đến những yếu tố mang tính đối lập và khi được sử dụng cùng nhau trong một tác phẩm, thì chúng tạo ra được hiệu quả thẩm mỹ cao. Trong các mảng chạm khắc đình làng Liên Hiệp cũng như các đình làng khác, những nghệ nhân dân gian đã có sự kết hợp giữa các yếu tố thực - hư, trang trí - tả thực với nhau một cách rất tự nhiên, rất hợp lý. Như cùng trong một mảng chạm có thể thấy có hình ảnh cô Tiên cười rỗng - hình ảnh mang tính hư, lại vừa có những người ngồi xung quanh, có các con vật của cuộc sống đời thường - hình ảnh thực của cuộc sống. Cho cảm giác như những người dân đang ngồi xem điệu múa giữa rỗng và tiên. Bức chạm trở nên hấp dẫn, sinh động hơn nhờ sự kết hợp giữa yếu tố thực và hư ấy.

Họa sĩ Trần Văn Cẩm nhận định: “Xem trong nghệ thuật cổ truyền dân tộc, thì rõ ràng chính cái vốn về chạm trở lại giàu có, độc đáo còn hơn cả vốn hội họa về những đức tính tạo hình rất sáng tạo của người xưa, đã kết hợp nhuần nhuyễn tài tình hai tính chất tưởng như không đi được với nhau: tính hiện thực với tính trang trí”. [31]

- Biểu tượng hóa

Trong hầu như các đình, chùa chúng ta đều có thể bắt gặp các hình ảnh được coi là “biểu tượng hóa”, các hình ảnh được chạm khắc thường có ý nghĩa biểu tượng nào đó, ví như Long, Lân, Quy, Phượng hay Tùng, Cúc Trúc, Mai... Chúng đều được mang trên mình những ý nghĩa biểu trưng. Trong Tứ linh ở trong các ngôi đình thì Long - Rồng là con vật có ý nghĩa biểu tượng lớn nhất. Nó có thể là biểu tượng cho khát vọng của những cư

dân nông nghiệp ở các làng xã, cầu cho mưa thuận gió hòa, là biểu tượng cho việc mong mưa, cầu mưa và biểu tượng được sử dụng lớn nhất đó là thể hiện uy quyền cho vua - người đứng đầu cai trị cả nước. Sau này hình ảnh con rồng còn biểu tượng cho ý nghĩa về nguồn cội của dân nước Việt “con rồng cháu tiên”... Kế đó là Lân - một biểu tượng cho sự trường thọ, thái bình, phúc lộc và may mắn một biểu tượng mang tính hiền lành là điềm lành trong lòng người dân. “Quy” một biểu tượng cho sự thanh cao, trường tồn. Biểu tượng cuối cùng trong tứ linh là Phượng, một con vật là tổng hòa những đặc điểm đẹp nhất của các loài chim, nó mang trên mình một sự cao quý, thanh tao là biểu tượng của niềm hạnh phúc và mang yếu tố âm, biểu tượng của nữ quyền trong hoàng cung - hoàng hậu. Trong đình Liên Hiệp hình ảnh rồng - một trong bốn tứ linh được xuất hiện ở những nơi trang trọng và thường mang ý nghĩa tâm linh như các mảng chạm Tiên múa rồng, Mã tâng hàm rồng, đặc biệt các đầu dư kẻ hiên đều được chạm trở hình đầu rồng rất tinh tế...

Ngoài tứ linh thì trong chạm khắc đình làng còn Tứ quý, gồm các loài cây như tùng, cúc, trúc, mai là những biểu tượng của thiên nhiên, cỏ cây được đưa vào các ngôi đình, chúng tượng trưng cho bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, lại vừa biểu tượng cho cốt cách của con người. Từ những ý nghĩa biểu trưng của các loài động vật và thực vật kể trên hay một số hình ảnh khác thì việc những người thợ của các phường thợ đưa vào các mảng chạm khắc đình làng để nói lên ước vọng của mình là điều dễ thấy.

1.2.4.2. Kỹ thuật thể hiện

Để làm nên được những mảng chạm khắc có giá trị nghệ thuật cao, không chỉ nhờ vào chủ đề, vào phương pháp thể hiện mà nó còn phần lớn do kỹ thuật thể hiện. Mặc dù những người nghệ nhân không được đào tạo bài bản và cũng chẳng làm theo một khuôn thước cố định nào, nhưng ta vẫn thấy được sự tinh xảo trong kỹ thuật thể hiện, những kỹ thuật làm nên

một phần lịch sử nghệ thuật nước nhà. Một số kỹ thuật chạm thể hiện trong đình làng nói chung cũng như đình Liên Hiệp nói riêng như: Chạm kênh bong, chạm lõng, chạm nổi...

Với kỹ thuật chạm nổi ở đình Liên Hiệp các hiệp thợ ít sử dụng, chúng chỉ xuất hiện ở một vài vị trí chạm khắc họa tiết hoa lá..., với nét chạm nổi, các hoạt tiết chỉ nổi hơn mặt nền một chút, các hoa văn tương đối đơn giản.

Đình Liên Hiệp với nhiều mảng chạm khắc có giá trị cao về mặt nghệ thuật nhờ có các kỹ thuật chạm tinh xảo, độc đáo. Ngôi đình này cũng có kiến trúc mở, đón ánh sáng tự nhiên từ nhiều hướng, các phù điêu được đưa lên trên cao để tận dụng được nguồn sáng tự nhiên chứ không phải ánh sáng đèn, nên như ở trong các ngôi chùa. Trong đó kỹ thuật chạm lõng (khoét sâu trong lòng thân gỗ khiến cho người xem mất cảm giác về nền - một đặc điểm vốn có của phù điêu) được đánh giá cao, và mảng chạm đó được chiếm vị trí quan trọng nhất trong đình như mảng chạm Tiên cưới rồng. Cùng với kỹ thuật chạm lõng là kỹ thuật chạm kênh bong và chạm nông, hai kỹ thuật này là nền tảng để phát triển đến kỹ thuật chạm khắc đỉnh cao - chạm lõng.

Tiêu biểu cho kỹ thuật chạm kênh bong ở Liên Hiệp có mảng chạm tương đối lớn đó là mảng chạm có *Tiên - rồng - hươu - báo*. Các nhân vật ở trong mảng chạm khắc này có sự đối lập nhau bởi Tiên và Rồng là những gì cao quý lại được sắp đặt chung với Hươu và Báo là những con thú hoang ở nơi rừng xanh. Bốn nhân vật cùng xuất hiện ở một nơi rất hoà hợp với nhau, như vậy tiên, rồng không còn là tượng trưng cho quyền uy mà trở nên gần gũi với người dân. Tác giả của bức chạm này đã sử dụng phương pháp chạm kênh bong để thể hiện đề tài này. Nhìn những nét chạm tinh tế, uyển chuyển, nét tinh xảo đến từng tiểu tiết. Cô tiên thì đang cưới rồng và có điệu múa rất mềm mại, nhờ phương pháp chạm kênh bong mà hình ảnh

tiên rồng được nổi khối hơn, tạo độ sâu bởi tầng lớp ở phía sau tạo nên những khoảng tối có miếng hình khác nhau. Con rồng múa lượn phía trên còn được chạm tinh xảo đến cả vây rồng, mắt rồng. Con hươu và báo lại rất hiền từ và dáng cũng rất động, nét chạm không thô mà là những đường cong uyển chuyển và tạo hình rất chuẩn. Nhìn vào mảng chạm ta có cảm giác như được tạo bởi nhiều lớp khác nhau và gắn kết chặt chẽ có lớp trước, lớp sau. Mảng chạm này mang tính trang trí cao, nó có những hình tượng, nét chạm “bác học” kết hợp với hình ảnh “hươu, báo” đầy tính bình dân. Bên cạnh đó lại nhờ hiệu quả của ánh sáng càng cho ta cảm giác trang trí uốn lượn rất cầu kỳ, hoa mỹ và kết hợp thủ pháp huyền thoại và hiện thực. [Xem phụ lục 2, Ảnh 8, tr.77]

Ngoài ra nhiều các bức chạm khác tại ngôi đình này cũng đều được chạm bằng kỹ thuật chạm kênh bong như: Tiên cười rồng, Mả táng hàm rồng, đấu vật, đánh cờ... Các hình ảnh chính ấy được chạm trở như gắn trên nền là các hình ảnh về rồng, tiên... tạo hiệu quả tầng lớp không gian trên các mảng chạm, công thêm ánh sáng tự nhiên hắt vào nên các mảng chạm càng nổi khối hơn nhờ ánh sáng tạo đậm nhạt, hình khối. Độ đậm, bóng tối càng làm cho các chi tiết nổi hơn. Đường nét đục chạm thể hiện được sự tỉ mỉ, tinh tế trong cách chạm của các phường thợ.

Các mảng chạm bằng kỹ thuật chạm kênh bong chính là một điểm thu hút các nhà nghiên cứu, cũng như những người yêu vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc.

Ngoài kỹ thuật chạm kênh bong thường sử dụng để chạm khắc các mảng chạm ở trong tòa đại đình và hậu cung thì kỹ thuật chạm lõng - một kỹ thuật cũng được đánh giá là đỉnh cao của kỹ thuật chạm khắc đình làng lại thấy xuất hiện nhiều ở các đầu dư của đình.

Các đầu rồng này đều được chạm hình đầu rồng với nhiều dáng vẻ khác nhau, nhưng tất cả đều cho ta có cảm giác cả khối gỗ như được đục

rỗng, tạo ra những khoảng trống luân trong khối đầu rỗng. Đây là phương pháp tạo hiệu quả cao nhất về khối.

Đầu dư thì thấy hình ảnh đầu rỗng với con mắt tròn lồi ra như một viên ngọc, miệng được khoét sâu vào phía trong, bên ngoài là hàm răng đang nhe ra thể hiện uy quyền.

Hay hình ảnh một đầu dư nhìn từ phái dưới lên ta thấy được những khoảng trống được luân rất sâu vào trong, đầu dư như bị đục rỗng hẳn vào bên trong. Kỹ thuật chạm của những người nghệ nhân đạt đến trình độ cao, tinh tế. [Xem phụ lục 2, ảnh 9, tr.77]

Kỹ thuật chạm lõng được sử dụng cho thấy được hiệu quả của chúng là tận dụng được hiệu quả của ánh sáng một cách triệt để, bóng tối được luân sâu vào trong các mảng chạm, các đầu dư cho cảm giác bên trong rỗng, các chi tiết bên ngoài thêm phần nổi bật. Từng đường nét tỉ mỉ, chính xác và rất công phu của người thợ chạm khắc gây ấn tượng với người xem.

Các mảng chạm dù bé hay lớn, dù miêu tả về tiên, rồng hay sinh hoạt của con người dân làng Liên Hiệp thì đều được sử dụng kỹ thuật chạm lõng, chạm kênh bong và ở đâu thì cũng có những nét chạm khi thì khái quát lúc thì thật tinh tế đến từng tiểu tiết. Sự kết hợp ấy lại được đặt trong bàn tay điều luyện và vận dụng ánh sáng một cách khéo léo và tài tình.

Tiểu kết

Vốn cổ dân tộc là một trong những giá trị văn hóa quý báu của dân tộc, nó giúp cho chúng ta hiểu biết hơn về cuộc sống của những người đi trước đã diễn ra như thế nào, đời sống văn hóa và tinh thần ra sao. Và các mảng chạm khắc ở đình làng là một phần của vốn cổ ấy, đem đến cho chúng ta những cách nhìn về cuộc sống thường nhật của những người dân ở làng xã một cách chân thực nhất.

Trong số đó thì các mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp đã được các nhà chuyên môn đánh giá cao về giá trị văn hóa cũng như giá trị nghệ thuật

của chúng. Điều làm lên các giá trị ấy chính là những thủ pháp tạo hình, những kỹ thuật chạm khắc kết hợp với nguồn ánh sáng tự nhiên. Các mảng chạm nổi bật, có không gian, chúng tạo lên cảm giác như loại bỏ phần nền, mà là những hình khối nổi hẳn lên. Chính vì vậy việc nếu đưa được giá trị của các mảng chạm ở đây vào việc giảng dạy cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật là một việc có ý nghĩa. Không chỉ để SV có cái nhìn sâu hơn về chạm khắc đình làng Liên Hiệp hay đình làng Bắc bộ thế kỉ XVII, mà còn là để việc truyền tải các giá trị văn hóa đình làng đến nhiều thế hệ hơn, vì các em ngành Sư phạm Mỹ thuật sau này sẽ là những giáo viên đi giảng dạy tại các trường từ phổ thông đến chuyên nghiệp. Và giá trị của vốn cổ dân tộc có cơ hội được nhiều thế hệ quan tâm, có hiểu biết về chúng hơn.

Chương 2

NGHỆ THUẬT CỦA CHẠM KHẮC ĐÌNH LIÊN HIỆP ỨNG DỤNG VÀO DẠY – HỌC BÀI TẬP NGHIÊN CỨU VỐN CỔ DÂN TỘC

2.1. Khái quát về trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

Trường Đại học Sư Nghệ thuật Trung ương là một ngôi trường có bề dày truyền thống (với trên 45 năm xây dựng và trưởng thành), Trường ĐHSPPNTTW trở thành địa chỉ đào tạo có uy tín được công nhận, với việc đào tạo được hàng ngàn lượt giáo viên nghệ thuật, cán bộ quản lý cho ngành giáo dục nói riêng và cả nước nói chung.

Hiện nay để đảm bảo cho hoạt động đào tạo của nhà trường, cơ cấu tổ chức của trường gồm có: 9 phòng ban chức năng; 14 khoa chuyên môn, trong đó có Khoa Sư phạm Mỹ thuật, Khoa Sư phạm Âm nhạc là hai khoa ban đầu song hành cùng sự phát triển của nhà trường; Các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng, thông tin gồm 3 trung tâm, 1 viện, 2 ban biên tập

Trong quá trình phát triển của mình, năm 2006 nhà trường chính thức tuyển sinh khóa đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy đầu tiên (Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ). Từ đó đến nay, hoạt động đào tạo của Nhà trường đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về mã ngành đào tạo (11 mã ngành), số lượng sinh viên cũng như cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác của nhà trường. Ngoài ra nhà trường còn đào tạo trình độ sau đại học với 03 mã ngành trình độ thạc sĩ: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa và gần đây nhất là Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Và năm Trường ĐHSPPNTTW được Bộ Giáo Dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc trình độ Tiến sĩ, điều này đã đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của nhà trường.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có đội ngũ cán bộ, giảng viên tâm huyết với nghề, giỏi chuyên môn, gần gũi, hòa đồng với sinh viên. Cùng với chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên nâng cao trình độ, dạy học theo hướng tích cực trong học tập, và thể hiện được khả năng sáng tạo, trong nghệ thuật cho sinh viên.

Để đồng hành cùng sinh viên trên mọi mặt nhà trường có 02 tổ chức: Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường. Hai tổ chức của thanh niên này hoạt động hiệu quả, sáng tạo, năng động đã thu hút được sự tham gia đông đảo của sinh viên với các hoạt động như triển lãm tranh, văn nghệ, thể dục thể thao...

Về cơ sở vật chất, nhà trường từng bước có sự đầu tư, nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển của nhà trường và đáp ứng nhu cầu học tập - nghiên cứu của giảng viên, sinh viên.

Tập thể ban lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, sinh viên đang từng ngày nỗ lực không ngừng, vừa phát huy thế mạnh của truyền thống 45 năm xây dựng và trưởng thành, vừa không ngừng hoàn thiện về mọi mặt để nhà trường luôn là cơ sở giáo dục hàng đầu và uy tín, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.

2.2. Nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong chương trình dạy – học ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

2.2.1. Chương trình bộ môn trang trí cơ bản 1

Trang trí là một việc xuất phát từ nhu cầu làm đẹp của con người qua mọi thời đại, từ những thời kì hoang sơ cho đến thời đại công nghiệp ngày nay thì nhu cầu làm đẹp ngày càng tăng. Những sản phẩm phục vụ cho việc làm đẹp, thẩm mỹ ấy chính là nghệ thuật trang trí.

Nghệ thuật trang trí sử dụng ngôn ngữ tạo hình:

Mục đích của trang trí là làm đẹp, nên các sản phẩm trang trí luôn nhằm thỏa mãn con mắt nhìn cái đẹp - Nó thuộc về nghệ

thuật thị giác. Con người cảm nhận được cái đẹp nhờ thị giác - hình mảng - màu sắc. Đó chính là những yếu tố của ngôn ngữ tạo hình - thứ ngôn ngữ mà không học mỹ thuật bạn sẽ không có khả năng hiểu nó.

Bạn phải học cách đọc và hiểu ngôn ngữ đó trong quá trình học chuyên môn mỹ thuật, đặc biệt trong quá trình học bộ môn trang trí. [15, tr9]

Bộ môn trang trí được giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật gồm 2 phần thuộc môn học Trang trí cơ bản 1 và 2, chương trình đào tạo dành cho SV thuộc các ngành đào tạo Sư phạm Mỹ thuật và Thiết kế Thời trang.

Với thông tin chung về môn học như sau (Theo đề cương môn học trang trí cơ bản 1, khoa MTCS, trường ĐHSPNTTW):

- Tên môn học: Trang trí cơ bản 1
- Mã môn học: M5
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học: Bắt buộc
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học kế tiếp: Trang trí cơ bản 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- + Lý thuyết: 2
- + Thực hành/thảo luận: 26
- + Tự học/tự nghiên cứu: 2 [9, tr.2]

Môn học trang trí cơ bản 1 được xây dựng đưa vào chương trình đào tạo 02 ngành (Sư phạm Mỹ thuật và Thiết kế thời trang) với mục tiêu chung về kiến thức, thái độ, kỹ năng và các mục tiêu khác, cũng như các mục tiêu chi tiết của môn học.

Môn học trang trí cơ bản 1 gồm các nội dung dạy và học bao gồm:

- Phần lý thuyết: Cung cấp cho SV các kiến thức cơ bản về “khái niệm, các thuật ngữ, các thể loại trang trí, ngôn ngữ tạo hình trong trang trí, vốn cổ nghệ thuật dân tộc, họa tiết trang trí, phương pháp đơn giản, phương pháp cách điệu, sáng tạo họa tiết...” [9, tr.5]

- Phần thực hành: Môn học này đòi hỏi SV phải thực hiện các bài tập như “Ngôn ngữ tạo hình trong trang trí (Bài tập màu sắc), nghiên cứu vốn cổ dân tộc, nghiên cứu và sáng tạo họa tiết hoa lá, nghiên cứu và sáng tạo họa tiết động vật.” [9, tr.5]

Các bài tập thực hành này giúp các em củng cố được kiến thức đã học, có sự hiểu sâu hơn bài học và giúp SV rèn luyện được các kỹ năng: trang trí bằng chất liệu chì, mực nho, bột màu và tạo cho SV khả năng xây dựng họa tiết. SV còn nắm được các phương pháp nghiên cứu và ghi chép các họa tiết vốn cổ và sáng tạo họa tiết với các bài tập:

- Bài tập nghiên cứu 1: Bài tập màu sắc
- Bài tập nghiên cứu 2: Nghiên cứu vốn cổ dân tộc
- Bài tập nghiên cứu 3: Nghiên cứu và sáng tạo họa tiết hoa lá
- Bài tập nghiên cứu 4: Nghiên cứu và sáng tạo họa tiết động vật

Sau khi hoàn thành môn học Trang trí cơ bản 1 ở năm thứ nhất, SV được tiếp tục học môn Trang trí cơ bản 2 ở năm thứ 2 của khóa học. Cũng như ở môn trang trí cơ bản 1, môn trang trí cơ bản 2 cũng được xác định các mục tiêu chung và mục tiêu chi tiết của môn học.

Như vậy môn Trang trí cơ bản 1 đã trang bị cho SV lượng kiến thức ban đầu về môn trang trí, trao cho SV những kỹ năng từ phóng hình, sử dụng màu sắc, ghi chép và cách điệu các họa tiết cho đến kỹ năng xây dựng phác thảo đậm nhạt, phác thảo màu... Đây là những kiến thức và nền tảng để các bạn SV tiếp thu tốt những kiến thức được nâng cao dần. Và trong đó có nội dung của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc, chiếm một phần của chương trình học.

2.2.2. Nội dung dạy – học của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc

Bài tập Nghiên cứu vốn cổ của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật nằm trong môn Trang trí cơ bản 1, nằm ở nội dung thứ 2 của môn trang trí cơ bản với phân phối thời lượng:

- Lí thuyết: 01 giờ tín chỉ. Nội dung phần học lý thuyết đảm bảo rằng sinh viên nắm được Khái niệm về Vốn cổ, nét đẹp của vốn cổ dân tộc trong nghệ thuật tạo hình của Việt Nam, vai trò của nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong học tập mỹ thuật. Ngoài ra sinh viên còn cần nắm được phương pháp nghiên cứu và ghi Nghiên cứu.

Với sinh viên Sư phạm mỹ thuật thì việc tập trung nghiên cứu, tìm hiểu để nắm bắt một cách rõ ràng và chắc chắn nhất phần lý thuyết là một điều quan trọng, nó giúp ích cho sinh viên có thể thực hiện tốt phần thực hành.

Các phần lý thuyết này thường được Giáo viên yêu cầu sinh viên có thể đọc trước trong giáo trình Trang trí cơ bản 1.

- Một phần rất quan trọng trong bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc đó là phần thực hành, sinh viên cần thực hành làm bài tập nghiên cứu 2 (theo chương trình trang trí cơ bản 1) là Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

Sinh viên khoa Sư phạm mỹ thuật hiện nay được thực hiện bài học này bằng hình thức điền dã với thời lượng 03 giờ tín chỉ.

* Mục tiêu chi tiết:

- Nội dung: nghiên cứu vốn cổ dân tộc
- Mục tiêu (bậc 1)
 - + Nêu được khái niệm về vốn cổ
 - + Trình bày được nét đẹp đặc trưng của vốn cổ dân tộc tạo hình Việt Nam.
 - + Nêu được vai trò của việc nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong học tập mỹ thuật.

- Mục tiêu (bậc 2):

+ Hiểu được vẻ đẹp đặc trưng độc đáo của vốn cổ dân tộc Việt Nam dưới góc độ khai thác vẻ đẹp nội dung, hình thức.

+ Thực hiện đúng phương pháp nghiên cứu và ghi Nghiên cứu vào bài tập nghiên cứu vốn cổ dân tộc và áp dụng vào sáng tạo họa tiết.

- Mục tiêu (bậc 3):

+ Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số tác phẩm mỹ thuật cổ tiêu biểu.

+ Phân tích mối quan hệ giữa việc kế thừa giá trị nghệ thuật truyền thống với sáng tạo và phát triển trong học tập, sáng tác Mỹ thuật.

- Ngoài ra SV còn cần phải tự học, tự nghiên cứu thực hiện bài tập nghiên cứu 2: Nghiên cứu vốn cổ

SV sẽ được học lí thuyết và thực hành trong vòng 2 tuần (tuần 3, tuần 4 của chương trình học trang trí cơ bản 1), kết quả cuối cùng của phần học này là sinh viên cần có bài tập nghiên cứu 2 - Nghiên cứu vốn cổ dân tộc với 02 trang bản rập hoa văn trang trí; 01 trang bản rập con vật; 01 trang phù điêu và 02 trang dân gian Đông Hồ. SV cần trình bày bài tập trên khổ giấy A3 đóng quyển.

Trong chương trình học của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc có thể thấy mới đề cập đến giảng dạy lý thuyết sơ qua về chạm khắc đình làng, trong phần thực hành chưa thấy đề cập đến nội dung ghi chép mảng chạm khắc đình làng.

2.3. Thực trạng Dạy và học bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong đào tạo chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

2.3.1. Thực trạng dạy

- Thực trạng dạy:

Ở trường ĐHSPNNTTW thì bài nghiên cứu vốn cổ dân tộc do khoa Mỹ thuật cơ sở giảng dạy với việc đưa ra một đề cương chi tiết về nội dung dạy - học và lịch trình giảng dạy với thời lượng và hình thức tổ chức dạy học của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc đã giúp cho việc giảng dạy của GV đi theo đúng trình tự cũng như đồng nhất giữa các lớp, các SV. Lịch trình cụ thể của việc học như sau:

Nội dung Nghiên cứu vốn cổ dân tộc theo đề cương môn học trang trí cơ bản 1 của khoa Mỹ thuật cơ sở trường ĐHSPNNTTW thì thời lượng học lý thuyết là 01 giờ tín chỉ, thực hành/xemiana/thì nghiệm/điền dã là 03 giờ tín chỉ, như vậy Nghiên cứu vốn cổ dân tộc chiếm 04 giờ tín chỉ

Với nội dung chi tiết như sau:

Chương 2: Nghiên cứu vốn cổ dân tộc

2.1. Khái niệm

2.1.1. Vốn cổ dân tộc

2.1.2. Vốn cổ dân tộc trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam

2.2. Nét đẹp của vốn cổ dân tộc tạo hình Việt Nam

2.3. Vai trò của nghiên cứu vốn cổ dân tộc trong học tập Mỹ thuật

2.3.1. Kế thừa truyền thống

2.3.2. Sáng tạo và phát triển

2.4. Phương pháp nghiên cứu và ghi Nghiên cứu

2.5. Thực hiện bài tập nghiên cứu 2. [9, tr7]

GV sẽ dành thời gian để các bạn học lý thuyết ở tuần thứ 3 của chương trình học (tuần đầu tiên của nội dung bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc) với các nội dung về khái niệm Vốn cổ dân tộc, Vốn cổ dân tộc trong nghệ thuật tạo hình được giới thiệu với những kiến thức mở rộng từ trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam) cho đến các mảng chạm khắc cổ có nhiều tại các đình chùa trên khắp cả nước, hay những dòng tranh dân gian trong cả nước.

Về Nét đẹp của vốn cổ dân tộc trong tạo hình Việt Nam theo Tập đề cương bài giảng trang trí cơ bản 1 của khoa Mỹ thuật cơ sở thì các GV thường đem đến cho SV những nét đẹp về nội dung tư tưởng với các hình ảnh vốn cổ khởi nguồn từ nền văn hóa Phùng Nguyên, phát triển rực rỡ với nền văn hóa Đông Sơn (2000 - 700 năm Trước Công nguyên), vốn cổ dân tộc lại xuất hiện với cái được coi là “tuyệt tác mỹ thuật trong kho tàng tinh hoa nghệ thuật dân tộc”, đó chính là chiếc trống đồng, nó không chỉ tồn tại với giá trị lịch sử mà còn mang trên mình giá trị nghệ thuật cao nhờ được trang trí trên mặt trống với các hoa văn trang trí được bố trí tạo nên một bố cục tinh xảo. Nghệ thuật trang trí được cho là phát triển rực rỡ nhất là vào các thời Lý, Trần, Lê Sơ, Tây Sơn, Nguyễn với sự sáng tạo phát triển không ngừng của các nghệ nhân, giúp cho kho tàng mỹ thuật Việt Nam trở nên phong phú và có giá trị cao. Các hình tượng thường được nhắc đến trong nghệ thuật trang trí vốn cổ như tứ linh hay tứ quý là những hình ảnh có tính trang trí cao, thường mang tính tôn quý cho giới vua chúa. Cho đến khi nghệ thuật chạm khắc đình làng xuất hiện thì các hình ảnh trên trở nên gần gũi hơn với các hình ảnh mang tính đời thực như con người, động vật và có cây hoa lá. Chúng xuất hiện hài hòa cùng nhau trên một mảng chạm mà không hề cảm thấy có sự bất hợp lý nào. “Các mô tuýp trang trí trên đình làng không bị bó buộc theo một khuôn mẫu hay loại hình nào mà nó thay đổi theo vị trí kiến trúc”.

Cùng theo tập đề cương bài giảng trang trí 1 của khoa MTCS thì vốn cổ ngoài nét đẹp về nội dung còn có nét đẹp của bố cục, hình mảng, họa tiết. Với lối bố cục chặt chẽ, chuẩn mực và các mảng đặt trên cùng một bình diện có sự đan xen với nhau và có quy phạm rất khắt khe đặc biệt ở thời Lý. Việc sắp xếp mảng chính phụ luôn cân hợp lý và tại các khoảng trống thường được thể hiện các họa tiết, hoa văn trang trí. Đến thời Trần thì bố cục được nói lỏng hơn. Nhưng khi bước vào đình làng thì lối bố cục

chặt chẽ không còn nữa mà thay vào đó là những bố cục không theo một quy chuẩn nào cả, nó chịu sự chi phối của các cấu kiện kiến trúc và sự sáng tạo tài hoa của những nghệ nhân dân gian. Với các họa tiết trong vốn cổ dân tộc luôn đòi hỏi tính cách điệu cao, tượng trưng và điển hình. Trong đó họa tiết về rồng, phượng, con người luôn được diễn tả một cách sinh động, mang tính trang trí cao, có hư mà có thực. Các họa tiết về các linh vật, hay tứ quý, có cây và các con vật được cách điệu đa dạng, sinh động.

Được đánh giá cao nhất trong các nét đẹp của vốn cổ dân tộc đó chính là nét đẹp qua các bút pháp nghệ thuật, người nghệ nhân với các kĩ thuật điêu luyện và sự tự do phóng khoáng trong cách thể hiện, hay sử dụng các thủ pháp nghệ thuật mà họ thấy phù hợp để thể hiện sự trang trí trên các chất liệu. Các thủ pháp tạo hình thường mang tính hồn nhiên, mộc mạc nhưng lại tràn đầy sức sống. Các nghệ nhân còn sử dụng các bút pháp bằng các yếu tố tương phản...

SV học Nghiên cứu vốn cổ dân tộc còn được học cả nét đẹp về màu sắc của vốn cổ dân tộc, điều này phải kể đến màu sắc của các dòng tranh dân gian như Đông Hồ, Hàng Trống, tranh thờ...

Như vậy với nội dung giảng dạy như trên của bài Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của khoa MTCS trường DHSPNTTW đã truyền đạt cho các bạn SV những kiến thức cơ bản về vốn cổ dân tộc, khi GV muốn SV hiểu sâu hơn vào từng vấn đề thì cần tích cực cho SV tận dụng các giờ tự học, tự nghiên cứu cũng như tận dụng nguồn tài nguyên của thư viện nhà trường, hay tra cứu trên mạng internet. Để các em có đủ kiến thức và rèn luyện thêm kĩ năng để có thể thực hành cho tốt các bài tập theo yêu cầu của bài học, thì GV đã sát sao và truyền cho các em các kĩ năng trong khi Nghiên cứu vốn cổ dân tộc: làm bản rập, ghi chép họa tiết...

Khoa MTCS cũng đã đánh giá cao vai trò của việc thực hành, và cho các bạn SV đến tận nơi để ghi Nghiên cứu vốn cổ dân tộc, từ đó SV ngoài

có kiến thức sách vở còn có kiến thức thực tế, được quan sát trực tiếp và cảm nhận được nét đẹp của vốn cổ dân tộc, từ đó nâng cao được tình cảm của SV đối với vốn cổ và dồn được tâm huyết vào các bài tập thực hành theo yêu cầu.

Tuy nhiên do điều kiện của trường nói chung và của khoa MTCS nói riêng, việc đưa các em đi điền dã ở những khu vực xa cũng như đi dài ngày còn chưa có điều kiện thực hiện. Khoa MTCS đã cho SV đi điền dã ở những khu vực gần, hiện nay là điền dã tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, và có thể Nghiên cứu vốn cổ dân tộc thông qua việc chép các họa tiết từ những phù điêu bằng thạch cao.

Một số bài tập của sinh viên qua việc thực hiện chép họa tiết qua phù điêu thạch cao và một số bản rập tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. [Xem Phụ lục 3, Ảnh 1, 2, 3; tr.78,79]

Thêm vào đó nhà trường, cũng như đội ngũ GV của khoa luôn tâm huyết với nghề và có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn của mình như:

- + 100% GV bộ môn Trang trí khoa MTCS đạt trình độ thạc sĩ.
- + Các GV đa phần là những người trẻ, rất tâm huyết với nghề nghiệp, nhiệt tình với việc học của sinh viên. Các GV không chỉ là những người truyền đạt kiến thức mà còn bám sát các em, giúp đỡ các em những vấn đề khó khăn trong quá trình học tập. Nhất là trong thời gian các em làm bài tập thực hành, cũng như thời gian các em đi điền dã, ghi chép, nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

+ Các nội dung học trong chương trình luôn đảm bảo mục tiêu đề ra và luôn cập nhật kiến thức mới.

+ Nhờ có sự phấn đấu học hỏi không ngừng mà các Phương pháp và hình thức dạy học được sử dụng trong môn học trang trí cơ bản đã được phát triển theo xu hướng thúc đẩy sự tích cực, chủ động ở người học. Tạo

cho học sinh một cách học, nghiên cứu hiệu quả, dễ tiếp thu các kiến thức đã học và áp dụng vào thực hành chuyên môn một cách hiệu quả nhất.

2.3.2. Thực trạng học

Sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương đều là những sinh viên đã có kiến thức cơ bản nhất định về mỹ thuật, vì ngay từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào, nhà trường đã tổ chức thi môn năng khiếu cho các em với 2 môn là hình họa và bố cục. Nhờ đó, các em đã có được những kiến thức và kỹ năng học chuyên ngành phục vụ đắc lực cho việc học tập của mình. Khi vào trường tham gia các môn học, nhất là với các môn chuyên ngành, SV sẽ ít bỡ ngỡ hơn, dễ bắt nhịp với các nội dung học.

Các SV khi đăng ký thi vào ngành Sư phạm Mỹ thuật đa phần là những sinh viên có năng khiếu và say mê nghệ thuật, có tâm huyết với nhà giáo. Họ không chỉ có tương lai là nghệ sĩ mà còn là những nhà giáo, những người truyền kiến thức cho tương lai.

Các bạn SV khi đến với trường ngành SPMT, trường ĐHSPTTW phân đông đến từ nhiều tỉnh, vùng miền khác nhau, do đó văn hóa vùng miền là khá đa dạng, kiến thức về vốn cổ dân tộc - các di tích lịch sử in dấu vốn cổ dân tộc đã được hình thành sẵn.

Hiện nay tại trường ĐHSPTTW, nội dung giảng dạy về nghiên cứu vốn cổ bao gồm việc học tập lý thuyết và thực hành về vốn cổ dân tộc, việc này vừa giúp các em có cái nhìn khái quát về vốn cổ, vốn cổ dân tộc và hiểu được giá trị nghệ thuật, văn hóa của vốn cổ dân tộc, lại vừa có sự thực hành để nhìn nhận một cách sâu sắc hơn, cảm nhận chân thực hơn vẻ đẹp của những vốn cổ ấy. Sau này khi các em trở thành những nhà giáo đi truyền đạt kiến thức, các em sẽ giúp truyền đạt lại các kiến thức ấy đến các thế hệ học sinh từ phổ thông cho đến chuyên nghiệp. Điều này góp phần rất lớn đến việc gìn giữ văn hóa cho mai sau.

Tuy nhiên do phải dành thời gian để học nhiều môn khác, đặc biệt là các môn chuyên ngành và các môn lí thuyết chung nên thời lượng dành cho việc học tập nghiên cứu vốn cổ không có nhiều. Để khắc phục nhược điểm này, các em thường được tiếp xúc với vốn cổ thông qua các hình ảnh do GV cung cấp, hoặc các phù điêu bằng thạch cao, ngoài ra các em có thể được điền dã ở Văn Miếu Quốc Tử Giám để lấy tư liệu, làm các bản rập họa tiết dưới sự hướng dẫn của GV.

Điều kiện kinh tế phát triển, mạng internet bao phủ rộng khắp, mọi thông tin và hình ảnh sống động đều có thể có được nhờ vào mạng, chính vì vậy một bộ phận sinh viên mỹ thuật ngày nay đã mất dần tính tự chủ, tự tìm kiếm thông tin, miệt mài đi vẽ (kí họa, trực họa). Một số em thường ngồi ở nhà Nghiên cứu qua màn hình máy tính. Thậm chí có em còn in ảnh ra và vẽ theo. Điều này có thể ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng kí họa và việc Nghiên cứu hình ảnh của những em đó sẽ không được bồi đắp, nâng cao. Khi các em học vào bài học Nghiên cứu vốn cổ - Nghiên cứu vốn cổ dân tộc thì điều này cũng ảnh hưởng một phần đến kết quả các bài vẽ của các em.

2.3.3. Đánh giá thực trạng dạy - học

Với thực trạng dạy - học của GV (khoa MTCS) và SV (khoa SPMT) trường ĐHSPNTTW, chúng ta có thể nhận thấy chương trình giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc được nhà trường quan tâm, đưa vào nội dung giảng dạy. Đây là một trong những kiến thức cơ bản và làm nền tảng để phát triển về kiến thức, kỹ năng chuyên môn về sau cho các bạn SV.

Các GV đã tận dụng được các nguồn tài liệu để truyền đạt kiến thức có cơ bản cũng như mở rộng cho các em, và đưa các em đi điền dã tại Văn Miếu Quốc Tử Giám để các em có cơ hội được cảm nhận trực tiếp một phần vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc. Đặc biệt là các GV đã sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại như việc trình chiếu các hình ảnh về vốn cổ dân tộc

trên máy chiếu, giúp SV quan sát được tốt hơn và thuận lợi hơn. GV đã gọi mở cho các em tìm hiểu kiến thức qua Internet cũng là một hoạt động nhằm mang lại cho SV nhiều kiến thức hơn.

Việc chép theo các mẫu phù điêu ở trường tạo cho các em điều kiện thuận lợi để ghi chép và học tập về đẹp của vốn cổ, và các GV cũng dễ dàng so sánh kết quả bài làm của các em. Cũng như có mẫu trực tiếp thì các GV dễ dàng đối chiếu bài làm của các em với mẫu hơn. Các mẫu phù điêu bằng thạch cao có kích thước nhỏ, vừa giúp cho các em dễ dàng di chuyển cũng như luân phiên thực hành chép giữa các nhóm. Các bản rập họa tiết được thực hiện ngay tại Văn Miếu, do đó chúng tạo cho các bạn SV tình cảm đối với mẫu, các em được ngắm, được sờ và được trực tiếp cảm nhận nét đẹp của các hoa văn, họa tiết cổ.

Tuy nhiên, hiện nay các em mới được làm các bản rập hay chép một số họa tiết đơn giản tại Văn Miếu, còn về chạm khắc thì sinh viên được chỉ được chép lại qua các phù điêu thạch cao. Mà phù điêu thạch cao lại không nói lên hết được vẻ đẹp của các mảng chạm khắc. Chúng chưa mang đặc trưng của vốn cổ dân tộc và ngôn ngữ tạo hình tại các phù điêu thạch cao chưa phản ánh rõ giá trị của nghệ thuật dân gian truyền thống, nghệ thuật chạm khắc với các kỹ thuật chạm tinh xảo. Phù điêu bằng thạch cao do đó về đường nét thường bị hạn chế, không rõ nét, không làm nổi bật được các kỹ thuật mà các nghệ nhân đã sử dụng.

Việc chép phù điêu thạch cao tại chỗ khiến các em không có sự mở rộng, không thấy được sự hài hòa trong cách phối hợp với vị trí trong không gian kiến trúc, cũng như không cảm nhận được hết nét đẹp nghệ thuật qua cách tạo bố cục của phù điêu trong thực tế vì chúng là những phân trích hình ảnh đặc trưng nhất chứ không phải toàn bộ phù điêu. Cũng như các đề tài của phù điêu hiện nay chưa có sự phong phú về đề tài, cũng như do tính chất của chất liệu nên dễ gây vỡ, hỏng, khó giữ nguyên trạng.

Các bài làm của SV thường có sự giống nhau do sao chép từ phù điêu thạch cao nên các em ít có tình cảm gửi gắm vào đó như khi được ngắm, được cảm nhận vẻ đẹp trực tiếp của vốn cổ dân tộc.

Hay như việc sử dụng mạng Internet nếu không được GV hướng dẫn, tư vấn cho các em thì có thể sẽ dẫn đến tình trạng ỷ lại vào những thông tin trên mạng mà dần “lười” đi thực tế, điền dã, kí họa...

Một điểm nữa đó là khi các em học lý thuyết đã được học về vẻ đẹp của các mảng chạm khắc đình làng, tuy nhiên do thời gian ngắn nên các em mới có những kiến thức nền tảng, chưa được mở rộng. Các em chưa được tìm hiểu sâu về chạm khắc đình làng cũng như chưa được đi điền dã tại đình làng. Việc đi điền dã tại Văn Miếu Quốc Tử Giám có thể khiến các em ít cảm thấy hứng thú vì đó là một địa điểm quen thuộc, hay việc các khóa học, các lớp học đều đi đến cùng địa điểm trên có thể dẫn tới việc bài làm của các em có nét giống nhau.

Các họa tiết hoa văn ở Văn Miếu Quốc Tử Giám đa phần đều là những họa tiết được chạm khắc bằng kỹ thuật chạm nổi, do đó có em chưa được quan sát, nghiên cứu trực tiếp các kỹ thuật chạm khắc đình cao như chạm lõng, chạm kênh bong. Và Miếu Quốc Tử Giám là một công trình cấp nhà nước nên chúng không có những hình ảnh mang tính chất dân gian.

Như vậy, khi SV thực hiện bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc, với những cách như chép phù điêu thạch, ghi chép ngoài thực tế ở Văn Miếu Quốc Tử Giám trở nên quen thuộc, khiến cho các em ít có hứng thú để tìm hiểu cũng như thực hiện ghi chép. Vốn kiến thức về chạm khắc đình làng các em mới có cơ hội tiếp nhận qua việc học lý thuyết bằng những tìm hiểu ngắn gọn và cơ bản nhất, mà chưa được trực tiếp quan sát, nghiên cứu và ghi chép lại những giá trị nghệ thuật đặc sắc của chạm khắc đình làng. Việc bổ sung thêm một nội dung, một địa chỉ điền dã mới vào trong chương trình học có thể giúp các em hào hứng hơn để tìm hiểu cái mới, để

được quan sát kỹ các giá trị, vẻ đẹp của các mảng chạm khắc ngoài thực tế và được thực hành ghi chép thêm nhiều vốn cổ dân tộc trở nên cần thiết.

2.4. Vận dụng nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp trong giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc

Các mảng chạm khắc ở đình làng Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội có thể trở thành một địa chỉ cho các bạn SV SPMT đến để điền dã, thực hành bài chép vốn cổ. Với vẻ đẹp hoành tráng, thu hút người xem ngay từ cái nhìn đầu tiên, các em sẽ tạo được hứng thú cho bản thân, từ đó việc ghi chép vốn cổ dân tộc sẽ đạt được kết quả tốt.

2.4.1. Đề tài

Nhờ những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân dân gian, các hiệp thợ của làng mà từ những cấu kiện gỗ thô mộc, từ những mảnh gỗ tưởng chừng như vô tri, vô giác đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật độc đáo. Trên các tác phẩm ấy chúng ta thấy được hình ảnh của cỏ cây, hoa lá, muông thú, và cả con người cũng trở thành các đề tài, họa tiết trang trí trên các cấu kiện gỗ của ngôi đình.

Các mảng chạm khắc không chỉ phong phú về đề tài mà trong chính mỗi đề tài ấy lại có sự phong phú trong cách thể hiện, các họa tiết được chạm khắc cũng rất đa dạng. Ví như:

Đề tài thực vật hay mây, sóng nước chúng thường được chạm khắc bằng nhiều họa tiết được cách điệu khác nhau. [Xem phụ lục 4, ảnh 1,2 , tr.80]

Đề tài con người, đời sống sinh hoạt của con người khi các nhân vật trở thành họa tiết trang trí với nhiều dáng vẻ khác nhau từ dáng kẻ đá chân, người giữ chân cho đến người cầm tay đấu vật, người chân co, chân gập uống rượu, người cưỡi ngựa kẻ cầm đuôi ngựa, người thổi kèn người đánh trống... Có thể thấy các hình ảnh về con người đã được cách điệu, cường

điệu lên tạo ra những họa tiết mang đến sự hứng thú cho người xem nhờ sự phong phú của chúng. [Xem phụ lục 4, ảnh 3,4, tr.81]

Với đề tài động vật, các con vật cũng phong phú có cả thú hoang và các con vật nuôi trong nhà: thần lằn, hươu, hổ báo, ngựa, voi, rắn, lợn nhà v.v... Mặc dù là một ngôi đình ở vùng đồng bằng nhưng chúng lại có sự đa dạng về hình ảnh động vật nên tạo ra sự “tò mò” về lí do chúng được chạm khắc. Những con vật được thuần dưỡng trở thành một phương tiện di chuyển của người dân đồng bằng như voi, ngựa [Xem phụ lục 4, ảnh 5, tr.82]

Sự đa dạng của họa tiết được sử dụng trong mỗi đề tài càng làm tăng thêm vẻ đẹp cho các mảng chạm khắc đình làng. Chúng được người thợ chạm khắc cách điệu mang tính chất hồn nhiên, mộc mạc và giàu yếu tố trang trí. Thêm vào đó là các hình ảnh - họa tiết mang tính tín ngưỡng như tiên, rồng, với hình ảnh con rồng - một trong tứ linh theo tín ngưỡng người Việt, tại đình Liên Hiệp đã được cách điệu thành nhiều hình ảnh khác nhau, như đầu rồng ở các đầu dư, hình ảnh rồng với cái đầu được cường điệu lớn hơn thân nhiều lần và chiếm diện tích khá lớn trong mảng chạm. [Xem phụ lục 4, ảnh 6,7, tr.82,83]

Các đề tài được nhắc đến trong các mảng chạm khắc đình Liên Hiệp nhờ có các kỹ thuật chạm điêu luyện (chạm kênh bong, chạm lõng) mà trở nên sống động, chính vì vậy mà khi đưa vào nội dung bài học Nghiên cứu vốn cổ dân tộc, các em SV dễ dàng chọn được cho mình đề tài yêu thích, gây cho các em sự chú ý đặc biệt, chúng sẽ tạo cho các em hứng thú để thực hiện yêu cầu của bài học. Bài tập thực hành của SV sẽ lột tả được tinh thần của các mảng chạm và họa tiết được sử dụng theo một phong cách riêng của chạm khắc đình làng tinh tế, uyển chuyển nhưng cũng đầy mộc mạc, hồn nhiên.

2.4.2. *Bố cục*

Thuật ngữ bố cục thường được nhắc đến nhiều trong sáng tác hội họa cũng như trong chương trình học của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.

Đặng Bích Ngân (chủ biên), *Từ điển Thuật ngữ Mỹ thuật Phổ thông*:

Sự sắp xếp kích thước và tương quan của những đường nét, hình dáng, màu sắc các vật thể trong một tác phẩm. Nói cách khác, bố cục chính là sự sắp xếp tất cả các yếu tố ngôn ngữ tạo hình để xây dựng nên một tác phẩm, làm nổi rõ ý đồ sáng tác của nghệ sĩ. Ví dụ như trong tác phẩm hội họa, những yếu tố xây dựng nên một bức tranh hài hòa của màu sắc, đường nét, sự phân phối đậm nhạt, ánh sáng, bóng tối, sự cân đối hình thể và vị trí các nhân vật đặt trong tranh... Họa sĩ là người quyết định sự sắp xếp vị trí và mối liên quan giữa các yếu tố trên vào tranh để tạo được những bố cục đẹp, độc đáo dựa trên ý tưởng sáng tác của mình. Trong giờ học mỹ thuật, thuật ngữ bố cục luôn được đề cập tới, nhằm hướng cho học sinh, sinh viên học cách sắp xếp các yếu tố tạo hình vào trong một tờ giấy, một trang vở, một khung vải. [32, tr.31]

Tại đình làng Liên Hiệp, các mảng chạm tuy được xây dựng bố cục ngẫu hứng tự nhiên mà không theo lý thuyết hàn lâm nhưng nhờ dựa vào sự thuận mắt thuận tay, giàu tính chất ước lệ mà bố cục vẫn cho cảm giác hợp lý. Bố cục của các mảng chạm ở đây thường không tuân theo quy luật nhất định, chúng được tạo thành hợp lý với vị trí chạm của mình trên các cấu kiện gỗ của ngôi đình. Ta có thể thấy thường là ở đây chúng có bố cục ngang chạy dài.

Với bức chạm Tiên và rồng này ta có thể thấy bố cục được chạy dài theo ván gió, với sự uốn lượn của các hình ảnh được thể hiện một cách uyển chuyển và tinh tế, bố cục này nếu chia đôi ta vẫn có được hai mảng

chạm hoàn chỉnh về mặt bố cục, một bên có tiên, rồng lại có ảnh sinh hoạt của con người ở phía cuối bên phải bức chạm, còn phía bên kia là hình ảnh rồng, lại có cả rắn - con vật mang tính chất bình thường, không cao quý như rồng. Các họa tiết hai bên có sự khác nhau, vừa là hình ảnh rồng, cô tiên lại vừa có các con vật mang tính chất thường dân. Chính lối tạo bố cục này giúp cho SV có thể linh hoạt hơn trong cách thể hiện bố cục của một số mảng chạm.[Xem phụ lục 4, ảnh 8, tr.83]

Chúng mang tính dàn trải và đều là những hoạt cảnh. Bố cục ở mảng chạm này kéo dài và dàn ngang chứ không như ở phương tây là những bố cục chặt chẽ được quy vào hình mảng (như tam giác, hình vuông, hình tròn,...). Chính điều này đã gây nên sự khác biệt, những hoạt cảnh tươi vui trên bức chạm. Như trên kẻ hiên là mảng chạm với những hình ảnh sống động và gây ra nhiều tranh luận cho người xem khi các hình ảnh này mỗi nhân vật mang một vẻ, một hình dáng riêng: kẻ cưỡi ngựa, người quỳ bái, kẻ đứng người ngồi và đặc biệt hơn có cả hình ảnh lợn nhà, con hổ hai bên góc dưới lại được đặt nằm ngược nhìn rất hài hước và nhẹ nhàng. Các khối căng tròn và bắt sáng hắt từ dưới lên càng làm tăng vẻ đẹp của bức chạm. Các chi tiết nhỏ như chuông ở cổ ngựa hay mũ, miệng người được chạm khối nên khi bắt sáng nhìn như những bức tượng tròn gắn lên kẻ hiên theo tầng lớp nhất định.

Hay bố cục dọc theo cột trụ như bức Trồng nụ trồng hoa Tiêu biểu như mảng chạm “hái nụ, hái hoa”, một trong số ít mảng chạm nếu không muốn nói là duy nhất tại đây có chạm hình ảnh trai gái trêu đùa. Vốn từ trong lòng những người nông dân Việt Nam thì hình ảnh hái nụ, hái hoa thật đậm chất trữ tình, duyên dáng và đầy thẩm mỹ và nó còn là ước mơ bình dị của người dân là một cuộc sống hạnh phúc. Việc chạm khắc hình tượng người con trai và con gái cũng leo cây để hái nụ, hái hoa dường như

đã vượt lên trên những quan niệm phong kiến để miêu tả một cuộc sống lạc quan, vui vẻ... Anh thì nghịch ngợm đưa tay chạm vào ngực một cô gái, có chàng thì lại đang leo lên, mặt thì lại hướng lên trên. Một điều ở đây là bức chạm này có bố cục dọc, có sự cân đối khi người và hoa được sắp đặt cân đối, giữa hai người và hai hoa, thì lại sắp so le nhau, cứ một chàng trai rồi lại một cô gái. Chính bố cục và cách sắp xếp này đã đem đến cảm giác hài hoà và nhịp nhàng, giữa các nhân vật tạo thành một đường uốn lượn bởi những khối đường như nổi hẳn lên. Như bao bức chạm ở đình khác, bức “hái nụ, hái hoa” này cũng có lối chạm khái quát và đặc tả. Khái quát ở khung cảnh trèo cây và đặc tả các khuôn mặt của các chàng trai, cô gái. Nhìn những khuôn mặt tươi cười, hào hứng, đầy tình nghịch của những chàng trai và duyên dáng của các cô gái. Việc kết hợp giữa lối chạm khái quát và lối đặc tả đã đem lại nét sinh động cho mảng chạm khắc này. [Xem phụ lục 4, ảnh 9, tr.84]

Từ lối bố cục tự do và dựa theo những vị trí chạm khắc trên các cấu kiện gỗ, bố cục của các mảng chạm khắc đình làng trở lên khác biệt với những tác phẩm nghệ thuật khác. Do đó, SV cần nắm được tư tưởng, cách tạo bố cục của chạm khắc đình làng để có thể chọn cho mình một bố cục phù hợp. Các em có thể chép trích đoạn của các mảng chạm, lựa chọn cho mình kích thước phù hợp trên khổ giấy được qui định.

2.5. Thực nghiệm sư phạm

2.5.1. Những vấn đề chung về thực nghiệm

2.5.1.1. Mục đích thực nghiệm

Nghiên cứu vốn cổ dân tộc là một trong những học phần bắt buộc cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật, nó là một phần cơ bản mà các em được học đầu tiên khi bước chân vào giảng đường đại học. Học phần này được đặt ở một vị trí như vậy vì nó có vai trò quan trọng trong việc hình thành ở

các em những kiến thức cơ bản về mỹ thuật của nước nhà từ đời cha ông. Cũng như việc tạo cho các em kỹ năng làm việc (nghiên cứu, ghi chép, kí họa...) để các em có thể thực hiện tốt những học phần sau này.

Nội dung dạy - học của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc gần như đã bao quát được hết các nội dung, cũng như các thời kỳ mỹ thuật cổ của Việt Nam, tuy nhiên chúng vẫn còn chưa phản ánh hết được vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc. Nhất là với vẻ đẹp của các mảng chạm khắc đình làng, tiêu biểu là đình làng Liên Hiệp. Chạm khắc đình làng như những trang sử ghi lại đời sống sinh hoạt của người dân trong các làng xã của một thời kì lịch sử của đất nước nhờ sự miêu tả chân thực của các hoạt cảnh, các hình ảnh của các mảng chạm. Chúng có giá trị nghệ thuật cao từ sự phong phú của đề tài đến các thủ pháp tạo hình và các kỹ thuật thể hiện. Từ ý nghĩa, thực trạng của công tác giảng dạy, học tập bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc đối với SV khoa SPMT, trường ĐHSPTTW chúng tôi mong muốn được đưa giá trị của nghệ thuật chạm khắc đình làng nói chung và đình Liên Hiệp nói riêng bổ sung thêm vào nội dung giảng dạy, học tập của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc hiện nay.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi tiến hành làm thực nghiệm nhằm khẳng định tính khoa học, phù hợp khi đưa giá trị nghệ thuật của một số mảng chạm khắc đình làng Liên Hiệp vào trong nội dung giảng dạy bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc, có thể chứng minh cho tính khả thi của đề tài.

2.5.1.2. Đối tượng, thời gian và địa điểm thực nghiệm

- Đối tượng: SV lớp K12SPMT thuộc lớp tín chỉ 02 khoa Sư phạm Mỹ thuật, trường ĐHSPTTW.
- Thời gian: 02 tuần.
- Địa điểm thực nghiệm:

+ Đình Liên Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội - địa điểm tổ chức thực nghiệm điền dã.

+ Khoa Sư phạm Mỹ thuật trường ĐHSPNTTW - Học lý thuyết.

- GV tham gia dạy thực nghiệm: Trần Thị Vân - GV bộ môn Trang trí, khoa MTCS

2.5.1.3. Nội dung thực nghiệm

Nội dung thực nghiệm là phần học lý thuyết về giá trị nghệ thuật chạm khắc đình làng nói chung và giá trị nghệ thuật đình Liên Hiệp nói riêng. Và phần thực hành là ghi chép một số mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp.

Các bạn SV có thể Nghiên cứu về giá trị nghệ thuật của một số mảng chạm khắc có giá trị cao tại đình Liên Hiệp và ghi chép các mảng chạm sau:

- 01 mảng chạm có họa tiết hoa lá, mây.
- 01 mảng chạm có đề tài sinh hoạt của con người hoặc con vật;
- 01 mảng chạm mang tính chất tín ngưỡng tôn giáo ;

SV vận dụng kiến thức khi nghiên cứu giá trị nghệ thuật của các mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp và kỹ năng ghi chép họa tiết vào việc ghi chép các mảng chạm khắc theo yêu cầu ở đình Liên Hiệp.

2.5.1.4. Quy trình thực nghiệm

- Chuẩn bị cho thực nghiệm:

+ Khảo sát và nghiên cứu nội dung của bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc hiện đang được giảng dạy của khoa MTCS cho SV ngành SPMT; thực trạng dạy và học của GV và SV;

+ Có sự liên hệ, trao đổi với GV đang giảng dạy bộ môn Trang trí cơ bản 1 và Bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc để có sự hiểu biết sâu hơn về nội dung, phương pháp đang được giảng dạy và được tư vấn đưa ra giải pháp tiến hành thực nghiệm.

+ Nghiên cứu giáo án của GV đang giảng dạy và đưa ra giáo án thực nghiệm.

+ Nghiên cứu về cách thức sử dụng phương tiện dạy học của GV và đưa ra phương án sử dụng phương tiện dạy học cho nội dung thực nghiệm của mình.

- Tiến hành các bước thực nghiệm

Chọn 09 SV của lớp K12SPMT học lớp tín chỉ 02 làm đối tượng thực nghiệm và sử dụng các bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của SV đã hoàn thành theo chương trình của khoa MTCS để làm đối chứng.

+ Truyền đạt cho các em một số kiến thức về giá trị nghệ thuật các mảng chạm ở đình Liên Hiệp.

+ Hướng dẫn kĩ năng ghi chép các mảng chạm.

+ Hướng dẫn các em ghi chép.

Quan sát các hoạt động thực nghiệm như nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, sử dụng đồ dùng học tập, từ đó đưa ra các đánh giá cần thiết để có thể điều chỉnh, đưa đến một kết quả thực nghiệm tốt nhất.

2.5.1.5. Các tiêu chí đánh giá

- SV nghiên cứu được những gì về giá trị nghệ thuật đình Liên Hiệp: SV hiểu được giá trị nghệ thuật của các mảng chạm ở đình Liên Hiệp, hiểu được những kỹ thuật, hình thức các nghệ nhân dân gian đã sử dụng để chạm lên những mảng chạm đó. Nắm bắt được các đề tài chạm khắc được nhắc đến ở ngôi đình này.

- SV ghi chép được một số mảng chạm khắc theo yêu cầu của GV, và yêu cầu của thực nghiệm về đề tài, bố cục. - Thái độ của SV khi tham gia thực nghiệm có nhiệt tình, yêu thích, cảm nhận được vẻ đẹp của các mảng chạm ở đình Liên Hiệp.

- SV được bồi đắp kiến thức, kĩ năng và năng lực thực hành bài tập cơ bản 2 - Bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

2.5.2. Kết quả khảo sát trước và sau thực nghiệm

2.5.2.1. Kết quả khảo sát trước thực nghiệm

Sau khi tiến hành khảo sát ở nhóm SV được chọn, chúng tôi thấy rằng sinh viên đã thực hiện khá tốt phần thực hành ghi chép phù điêu, ghi chép hoa văn ở ngoài thực tế, làm bản rập họa tiết tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. Các em có điểm chuyên cần tốt, chăm học và có ý thức học hỏi cao. Các em có kiến thức khá tốt về địa điểm diền dã Văn Miếu Quốc Tử Giám, tuy nhiên kiến thức về chạm khắc đình làng lại thiếu và về giá trị nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp rất ít, gần như là chưa có. Các em có thái độ học tập rất tích cực. Qua trao đổi với SV, chúng tôi nhận thấy các bạn còn chưa thực sự hào hứng với việc đi diền dã ở Văn Miếu, vì với các bạn SV đó là một địa chỉ khá quen thuộc, lại khá đông người khiến các em chưa thích thú và khó khăn trong việc tập trung làm bài.

Dưới đây là một số bản chép phù điêu bằng thạch cao, chép họa tiết ngoài thực tế tại Văn Miếu Quốc Tử Giám của các em SV. [Xem phụ lục 5, ảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tr.85, 86, 87]

Qua đây ta thấy được việc chép phù điêu bằng thạch cao chỉ gói gọn trong vài mẫu có sẵn của nhà trường, chưa phong phú, và do bằng thạch cao nên các đường nét không có độ sắc và tinh tế. Như vậy theo yêu cầu của bài tập Nghiên cứu về đường nét, hình mảng, họa tiết thì việc chép phù điêu bằng thạch cao có phần hạn chế. Tuy nhiên chúng lại giúp SV dễ dàng xác định bố cục cho bài vẽ, do là mẫu sẵn có kích thước và khuôn hình cố định.

Hay qua những mẫu ghi chép họa tiết, các bản rập của các em ở ngoài thực tế (tại Văn Miếu Quốc Tử Giám), chúng ta có thể thấy thường là những họa tiết đơn giản và đơn lẻ, các em chỉ thể hiện các họa tiết bằng nét; hay các bản rập được rập trên các mảng chạm khắc với kỹ thuật chạm nông.

Các em thực hiện theo đúng các yêu cầu của GV, tuy nhiên có thể do việc chép phù điêu bằng thạch cao ít mang lại cho các em nhiều cảm xúc để có thể đạt được kết quả ghi chép tốt nhất; hay việc ghi chép các họa tiết, làm các bản rập ở một địa điểm quen thuộc khiến các em mất đi sự ham tìm hiểu, sự hào hứng được khám những điều mới. Và chúng ta chưa thấy sự xuất hiện của việc ghi chép các mảng chạm khắc đình làng ngoài thực tế.

Ngoài ra việc thực hiện điền dã tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, các em chỉ được tiếp xúc với kỹ thuật chạm nông, các họa tiết trên văn bia. Do đây là một công trình mang tính cấp nhà nước nên không có sự xuất hiện các yếu tố dân gian trong đó, các đề tài trở lên ít phong phú, hấp dẫn, các họa tiết, hình ảnh chạm khắc thiếu sự sống động.

Như vậy với các em SV việc có thêm một nội dung mới giúp cho các em được mở rộng hơn vốn kiến thức, được nghiên cứu, được thực hành ghi chép các họa tiết, hình ảnh mới của vốn cổ dân tộc sẽ giúp cho các em thích thú, ham học hơn nữa.

2.5.2.2. *Kết quả khảo sát sau thực nghiệm*

- **Lý thuyết:** Trong thời gian học lý thuyết các em SV thuộc nhóm thực nghiệm và đối chứng được trang bị các kiến thức cơ bản giống , tuy nhiên trong phần lý thuyết có liên quan đến chạm khắc đình làng các bạn thuộc nhóm SV thực nghiệm được GV hướng dẫn tìm hiểu kiến thức sâu hơn về chạm khắc đình làng và đưa giá trị nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp vào nội dung học tập cho các em. Các em sau khi đã được học lý thuyết, được hiểu về giá trị nghệ thuật chạm khắc đình làng Liên Hiệp các em háo hức được trực tiếp nghiên cứu và ghi chép các mảng chạm có giá trị nghệ thuật cao, đặc biệt với kỹ thuật chạm kênh bong và chạm lõng khiến cho các mảng chạm trở lên đồ sộ, thu hút người xem. SV có cơ hội được lĩnh hội thêm kiến thức trực tiếp từ các cụ trong ban quản lý đình và cụ phụ

trách phần lễ tiếp đón khách, nói chuyện, giảng giải thêm từ lịch sử hình thành đến tên các mảng chạm và ý nghĩa của chúng.

Được GV trực tiếp đưa SV đi thị phạm hướng dẫn các kỹ năng ghi chép vốn cổ, cách lựa chọn bố cục sao cho hợp lý với đoạn trích mà mình muốn ghi chép lại (Do nhiều mảng chạm có diện tích lớn, kéo dài nên với các em SV năm thứ nhất chưa đủ năng lực để thực toàn bộ mảng chạm, ngoài ra thời gian thực hiện tương đối ngắn).

Sau khi đưa các em đi điền dã tại đình Liên Hiệp, kết quả thu được như sau:

- **Về kỹ năng:** SV được rèn luyện thêm kỹ năng ghi chép ở thực tế, ngoài việc ghi chép các mảng họa tiết đơn giản với kỹ thuật chạm nông, các em còn được hình thành kiến thức làm quen với ghi chép theo một mảng chạm khắc tương đối lớn, biết chọn cắt bố cục để bài tập ghi chép của mình có bố cục hợp lý. SV còn cần biết chốt lọc, tìm được mảng chạm khắc có bố cục và họa tiết phù hợp với khả năng ghi chép của mình.

SV được rèn kỹ năng làm việc độc lập, độc lập trong cách suy nghĩ, sáng tạo và tiếp nhận kiến thức.

SV có kỹ năng làm việc nhóm khi cùng phân tích các giá trị nghệ thuật của các mảng chạm ở đình Liên Hiệp, cách ghi chép, cách làm đậm nhạt, hình mảng và chọn bố cục.

- **Về thái độ:** SV có tinh thần tham gia một cách tích cực, nhiệt tình. Các em có sự ham học hỏi cái mới, thích thú khi được nghe giảng về các mảng chạm. Các em chú tâm trong phần thực hành ghi chép, có nhiều cố gắng để hoàn thành bài tập.

Sau buổi điền dã các em đã cảm nhận được vẻ đẹp của các mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp nói riêng và đình làng nói chung. Từ đó biết yêu vốn cổ dân tộc cũng như có tinh thần tham gia gìn giữ nét đẹp văn hóa Việt.

- Dưới đây là một số hình ảnh của các bài chạm khắc đình Liên Hiệp do nhóm SV tham gia thực nghiệm .

+ Đề tài tín ngưỡng - Đầu rồng [Xem phụ lục 6, ảnh 1,2,3,4, tr.88,89]

+ Đề tài Hoa văn [Xem phụ lục 6, ảnh 5,6, tr.90]

+ Đề tài con người - đời sống sinh hoạt [Xem phụ lục 6, ảnh 7,8,9,10, tr. 91,92]

2.5.3. Kết quả thực nghiệm

2.5.3.1. Kết quả thực nghiệm

Thông qua kết quả thực nghiệm chính là những bài thực hành ghi chép một số họa tiết ở các mảng chạm khắc tại đình Liên Hiệp, cũng như qua sự trao đổi với GV, SV tham gia thực nghiệm, chúng tôi có thể thấy rằng các bạn SV thực hành ghi chép một số họa tiết đã đáp ứng được yêu cầu của bài thực hành về họa tiết, bố cục, hình mảng, đề tài...

Để có đối chứng cho phần thực nghiệm, chúng ta có thể thấy rõ qua bảng sau đây:

Nội dung	Bài tập theo chương trình của khoa MTCS	Bài tập của thực nghiệm	So sánh
Kiến thức, kỹ năng chung			
Kiến thức	- Kiến thức chung về vốn cổ dân tộc. - Kiến thức ban đầu về chạm khắc đình làng.	- Kiến thức chung về vốn cổ dân tộc. - Kiến thức sâu hơn về chạm khắc đình làng. - Kiến thức về giá trị nghệ thuật của các mảng chạm khắc ở đình Liên Hiệp	- SV có thêm một lượng kiến thức chuyên sâu hơn.

Nội dung	Bài tập theo chương trình của khoa MTCS	Bài tập của thực nghiệm	So sánh
Kỹ năng	- Kỹ năng ghi chép. - Kỹ năng làm việc cá nhân	- Kỹ năng ghi chép. - Kỹ năng làm việc cá nhân - Kỹ năng làm việc nhóm	SV đạt được nhiều kỹ năng hơn.
Yêu cầu bài tập Thực hành Nghiên cứu vốn cổ dân tộc			
Họa tiết	- Họa tiết đơn giản - Đề tài quen thuộc (họa tiết đơn giản, phù điêu thạch cao)	- Họa tiết phức tạp hơn - Đề tài phong phú, mới	
Bố cục	- Bố cục đơn giản. - Bố cục chép theo phù điêu (có sẵn).	- Bố cục SV tự lựa chọn và sắp xếp, cắt bố cục cho hợp lý. - Bố cục đa dạng: dọc, ngang, vuông, chạy theo đường chéo.	- Bố cục đa dạng hơn - Phát huy tính sáng tạo của sinh viên. - Đôi lúc HS có thể gặp khó khăn trong việc xác định bố cục.
Thái độ, tình cảm của SV			
Thái độ	- Ham học hỏi.	- Ham học hỏi	- SV hứng

Nội dung	Bài tập theo chương trình của khoa MTCS	Bài tập của thực nghiệm	So sánh
	- Không hào hứng lắm với các đề tài quen thuộc ở các phù điêu thạch, các hoa văn họa tiết ở Văn Miếu Quốc Tử Giám đã khá quen thuộc nên cảm thấy nhàm chán. - Không gian đông đúc, ảnh hưởng đến sự tập trung ghi chép của các em.	- Hào hứng, thích thú khi được tham gia điền dã tại một địa điểm mới, các mảng chạm khắc thu hút được sự chú ý, mong muốn được tìm hiểu nhiều hơn về giá trị nghệ thuật các mảng chạm. - Không gian yên tĩnh, các em tập trung được cho việc ghi chép, nghiên cứu. - Mong muốn được quay trở lại để có nhiều thời gian nghiên cứu các giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình làng Liên Hiệp.	thú hơn với các đề tài mới, các mảng chạm khắc hoành tráng, đồ sộ được chạm bởi các kỹ thuật đỉnh cao. - Không gian yên tĩnh cũng là một yếu tố giúp các em tập trung thực hiện bài tập tốt hơn.
Tình cảm	- Yêu vốn cổ dân tộc - Có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc.	- Yêu vốn cổ dân tộc - Có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của vốn cổ dân tộc. - Yêu để đẹp chạm khắc đình làng, yêu thích giá	

Nội dung	Bài tập theo chương trình của khoa MTCS	Bài tập của thực nghiệm	So sánh
		trị nghệ thuật của các mảng chạm khắc đình làng, nhất là đình Liên Hiệp.	

2.5.3.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

Như vậy qua kết quả thực nghiệm, chúng ta có thể thấy được SV có khả năng ghi chép được những hoạt tiết phức tạp hơn của các mảng chạm khắc nói chung và vốn cổ dân tộc nói riêng. SV đã nắm bắt được nét đẹp của mảng chạm mà các em ghi chép, các em cũng đã biết xử lý bố cục khi chép lại họa tiết trên giấy. Ở đây các em phát huy được tính độc lập trong học tập, tư duy về bố cục cũng như sáng tạo trong cách ghi chép của mình.

GV khi đưa SV đi ghi chép cũng đã bổ sung thêm được kiến thức cho chính mình, GV giảng giải và giúp đỡ các bạn SV nhiệt tình, tâm huyết. GV có thể xử lý tốt các tình huống xảy ra trong quá trình làm việc cùng SV tại đình Liên Hiệp.

Về bài tập Nghiên cứu Vốn cổ dân tộc 2, qua một số bài tập ghi chép của SV trước và sau khi thực nghiệm có thể thấy rằng, SV đã có sự trưởng thành trong kỹ năng ghi chép, trong cách chọn bố cục của mảng chạm mình thể hiện. SV đã ghi chép được mảng chạm có độ khó cao, được làm quen cũng như đã phản ánh được một phần nét đẹp nghệ thuật của một số mảng chạm như về họa tiết, hình mảng, bố cục giúp người xem có thể hình dung về kỹ thuật chạm hay thủ pháp tạo hình đã được các nghệ nhân sử dụng. Đặc biệt khi ghi chép các mảng chạm khắc ở đây các bạn SV đã được làm quen với rất nhiều chủ đề khác nhau chứ không gói gọn trong một vài hình

ảnh trên phù điêu. Các em đã hào hứng hơn, thích thú tìm hiểu những vấn đề mới các em chưa được tiếp xúc.

2.5.3.3. *Đánh giá chung về thực nghiệm*

Qua phần thực nghiệm có thể nhận ra rằng, việc đưa giá trị nghệ thuật chạm khắc của đình Liên Hiệp vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc là khả quan. Nhờ đó mà SV có thêm kiến thức sâu về các giá trị nghệ thuật của chạm khắc đình làng từ kỹ thuật chạm, thủ pháp tạo hình, đề tài cho đến tư tưởng của những người dân sống ở làng thời kì đình được xây dựng và trang trí. SV nâng cao kỹ năng thực hành chép vốn cổ, nhất là chép vốn cổ dân tộc ngoài thực tế, cũng như làm phong phú, đa dạng hơn về đề tài, kỹ thuật thể hiện, thủ pháp tạo hình SV được tiếp cận trong bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc.

Ngoài ra việc đưa SV đi điền dã đã giúp GV và SV trở nên gần gũi, hòa đồng với nhau hơn, cùng làm việc và hỗ trợ nhau trong lúc học tập, thực hành. SV được làm quen với việc lập kế hoạch cho việc đi điền dã của mình.

Với GV dù việc đưa SV đi điền dã còn gặp nhiều khó khăn và thêm nhiều công sức hơn trong việc giảng dạy cũng như quản lý SV nhưng bản thân GV cũng sẽ thu thập được thêm nhiều kinh nghiệm, kiến thức cho bản thân. Và một điểm rút ra được từ công tác thực nghiệm này đó là các mảng chạm khắc được bố trí trong tòa đại đình thường là ở các cấu kiện gỗ trên cao, do đó GV cần chú ý tạo điều kiện cho các em được quan sát một cách thuận tiện và an toàn. GV sẽ có những điều chỉnh cho hợp lý hơn với thời lượng dạy - học theo chương trình, cũng như điều kiện thích hợp cho học tập tại đình Liên Hiệp.

Tất cả SV đều thích thú với việc đi điền dã và yêu thích nét đẹp, sự đồ sộ, hoành tráng của các mảng chạm. Các em không quá khó để có thể tìm được cho mình mảng chạm yêu thích, ấn tượng để ghi chép lại. Các em thể

hiện được sự sáng tạo cũng như kiến thức và khả năng của mình qua bài tập thực nghiệm này.

Tiểu kết

Đình làng Liên Hiệp được xây dựng vào thế kỉ XVII, chính vì vậy từ kiến trúc đến các mảng trang trí trong đình cũng đều mang đặc điểm của đình làng thế kỷ 17. Điểm đặc biệt ở đình làng Liên Hiệp đó là các mảng chạm đa phần mang tính chất đồ sộ, hoành tráng và sử dụng các kỹ thuật đỉnh cao của nghệ thuật chạm khắc như chạm lõng, chạm kênh bong. Những giá trị nghệ thuật đó nếu được đưa vào giảng dạy trong bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc cho sinh viên ngành SPMT vừa giúp các em có thêm kiến thức, kĩ năng vừa có thể truyền đạt nhiều hơn kiến thức đến nhiều lớp SV, học sinh sau này.

Khi SV được nghiên cứu, được ghi chép các mảng chạm khắc mang giá trị nghệ thuật cao các em có thể học hỏi về họa tiết, đề tài, bố cục... từ đó có sự ứng dụng sáng tạo trong học tập và đời sống. Một điểm quan trọng của việc đưa nghệ thuật chạm khắc đình Liên Hiệp vào bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc cho sinh viên giúp các em được đổi mới, bổ sung thêm nội dung bài học, thêm kiến thức, kĩ năng và tạo ra cho SV hứng thú trong học tập khi được khám phá, được điền dã tại địa điểm mới. Các em được cảm nhận một cách trực tiếp vẻ đẹp của các mảng chạm khắc. SV được mở rộng thêm về vốn kiến thức chạm khắc đình làng với một ngôi đình mang nhiều giá trị đặc sắc của hệ thống đình làng Việt Nam. Nội dung học tập phong phú giúp SV có nhiều cơ hội tiếp xúc thực tế với các giá trị nghệ thuật của vốn cổ dân tộc một cách sâu, rộng hơn.

KẾT LUẬN

Với việc gìn giữ được nhiều mảng chạm khắc có giá trị cao về mặt nghệ thuật cũng như lịch sử, Đình làng Liên Hiệp đã nhận được sự đầu tư quan tâm để bảo tồn, đã có nhiều người đến nghiên cứu về giá trị của các mảng chạm khắc này. Tuy nhiên việc truyền tải lại các giá trị ấy cho đời sau như một nội dung bài học thì chưa được chú trọng. Qua các mảng chạm chúng ta có thể thấy được đời sống của người dân trong các làng xã thời xưa, thấy được đời sống tinh thần cũng như bàn tay tài hoa trong từng nét đục chạm của họ, sự hoành tráng, đồ sộ và tinh xảo trong từng mảng chạm. Chính vì vậy, việc đưa những mảng chạm khắc đó vào Bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc cho sinh viên ngành sư phạm Mỹ thuật của trường ĐHSPPNTTW là có ý nghĩa.

Trong ngôi đình Liên Hiệp, ta bắt gặp sự tái hiện cuộc sống của người dân thời bấy giờ như các cảnh sinh hoạt, đời sống tâm linh, tín ngưỡng của họ, các họa tiết được đục chạm một cách công phu, chúng là biểu trưng của đời sống tinh thần dân làng. Người nông dân trong các làng xã Việt thời bấy giờ sống một cách chất phác, mộc mạc nhưng cũng đầy ước vọng được tự do, hạnh phúc, ấm no... và những điều ấy đi vào các mảng chạm khắc một cách rất tự nhiên, chân thực và mộc mạc như chính con người nghệ nhân ấy.

Các họa tiết miêu tả các chủ đề, đề tài tại đình Liên Hiệp được thể hiện dưới bàn tay tài hoa của nghệ nhân dân gian với các thủ pháp tạo hình độc đáo (đồng hiện, cường điệu...) dưới những kỹ thuật chạm đỉnh cao như chạm lõng, chạm kênh bong... Nhờ thế mà các hình ảnh được miêu tả rất hoành tráng, sinh động nhưng lại chân thực, hồn nhiên.

Từ những giá trị nghệ thuật độc đáo ấy, chạm khắc đình làng cần được bảo tồn, gìn giữ và cách gìn giữ tốt nhất đó là thông qua giáo dục, những bài tập trong chương trình dạy – học của SV Sư phạm Mỹ thuật như

bài tập Nghiên cứu vốn cổ dân tộc có ý nghĩa và thực sự cần thiết. Từ những SV sư phạm có am hiểu kỹ về vốn cổ, về giá trị của chạm khắc đình làng sẽ giúp đưa những giá trị đặc sắc ấy đi xa đến nhiều tầng lớp, thế hệ người Việt.

Những SV khoa SPMT khi được đưa thêm giá trị chạm khắc đình Liên Hiệp vào nội dung bài học Nghiên cứu vốn cổ dân tộc sẽ giúp các em có thêm kiến thức về một phần quan trọng trong kho tàng vốn cổ dân tộc. Điều đặc biệt là giá trị nghệ thuật chạm khắc đình làng cho các em sự hào hứng, thích thú được đi điền dã để thực hành nghiên cứu, ghi chép từ những đề tài mới, được quan sát vẻ đẹp của các mảng chạm khắc. Từ đó khơi dậy cho các em niềm vui thích trong học tập, sự tiếp nhận kiến thức trở nên dễ dàng hơn, nhớ lâu hơn, kết quả bài tập tốt hơn.

Như vậy, việc đưa thêm nội dung của giá trị nghệ thuật chạm khắc đình làng vào chương trình học Nghiên cứu vốn cổ dân tộc giúp sinh viên có thêm cơ hội để được nghiên cứu tìm hiểu thêm về các giá trị nghệ thuật ấy, giúp chương trình học trở nên phong phú, hấp dẫn hơn đối với người học. Sinh viên Sư phạm Mỹ thuật có kiến thức để giảng dạy cho học sinh về vốn cổ cũng như một phần nhỏ nào đấy đời sống của người dân Việt Nam nói chung ở một thời kì nhất định trong lịch sử phát triển của dân tộc.

Bởi dù con người, xã hội phát triển đến đâu thì cũng không được quên lịch sử dân tộc mình, không được quên những giá trị về mặt tinh thần cũng như vật chất mà “vốn cổ dân tộc” gìn giữ được cho đến ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (Tái bản 1953), *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, Nxb Bốn phương, Viện Khoa giáo - Hiền Tâm Biên, Sài Gòn.
2. Trương Tuấn Anh (2010), *Hình tượng Cô tiên trong chạm khắc đình làng Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.
3. Nguyễn Du Chi (2011), *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*, Nxb Văn Hóa dân tộc
4. Nguyễn Đỗ Cung (Chủ biên), *Điều khắc đình làng*, Nxb Ngoại Văn.
5. Lê Thanh Đức (2001), *Đình làng miền Bắc*, Nxb Mỹ thuật.
6. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành Hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
7. Hội thảo khoa học (2008), *Đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo giáo viên Âm nhạc*, Mỹ thuật cho trường phổ thông, Hà Nội.
8. Khoa Mỹ thuật cơ sở (2012), *Tập Bài giảng Nghiên cứu vốn cổ dân tộc (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
9. Khoa Mỹ thuật cơ sở (2013), *Đề cương môn học Trang trí cơ bản 1*, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương.
10. Vũ Tam Lang (1999), *kiến trúc cổ Việt Nam*, Nxb Xây Dựng, Hà Nội.
11. Hoàng Long, *Vài suy nghĩ về giáo dục nghệ thuật và đào tạo giáo viên dạy nghệ thuật*, trong Kỷ yếu khoa học Giáo dục Nghệ thuật và cuộc sống, trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2010.
12. Trịnh Đức Minh, *Công tác đào tạo giáo viên Mỹ thuật và Âm nhạc nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh ở trường phổ thông*, trong Kỷ yếu khoa học Giáo dục Nghệ thuật và cuộc sống, trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2010.
13. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thông tin, Hà Nội.

14. Nguyễn Thị Nhung (2010), *Khai thác và phát triển truyền thống của vốn cổ dân tộc tạo hình trong học tập và sáng tác Mỹ thuật*, trong Kỷ yếu khoa học Giáo dục Nghệ thuật và cuộc sống, trường ĐHSP Nghệ thuật TW.
15. Nguyễn Thị Nhung (chủ biên) (2011), *Giáo trình trang trí (Hệ Cao đẳng Sư phạm Mỹ thuật)*, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
16. Đặng Bích Ngân (chủ biên) (2002), *Từ điển thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông*, Nxb Giáo dục
17. Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)(2009), *Giáo trình giáo dục học – tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm.
18. Nguyễn Hải Phong - Nguyễn Đức Bình - Trần Thị Biền - Tạ Xuân Bắc (2002), *Hình tượng con người trong chạm khắc cổ Việt Nam*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật.
19. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, *Mỹ thuật ở làng*, Nxb Mỹ thuật.
20. Nguyễn Quân - Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb Mỹ thuật.
21. Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Cự (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Phan Cẩm Thượng (1997), *Điêu khắc cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật.
23. Tống Trung Tín (1997), *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần*, Nxb Khoa học xã hội.
24. Trần Đình Tuấn (2016), *Hình tượng con người trong nghệ thuật chạm khắc đình làng vùng châu thổ Sông Hồng (Sách chuyên khảo)*, Nxb Lao Động.
25. Chu Quang Trứ, Trần Lâm Biền (1975), *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam (qua các bản rập)* - Viện Nghệ thuật, Hà Nội

26. Chu Quang Trứ (1996), *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, Tài bản Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
27. Chu Quang Trứ (1996), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
28. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương (2015), *Tài liệu giảng dạy và học tập (tài liệu lưu hành nội bộ)*
29. Nguyễn Thắng Vu (chủ biên, 2006), *Nghệ thuật Việt Nam*, Nxb Kim Đồng.

Tài liệu trích nguồn Internet:

30. Chạm lộng - di sản điêu khắc truyền thống (2009), <http://tailieu.vn/doc/cham-long-di-san-dieu-khac-truyen-thong-73929.html>, truy cập 0'30 ngày 18 tháng 10 năm 2017.
31. (2015), *Đề cương bài giảng Nghiên cứu vốn cổ dân tộc (dùng cho sinh viên đại học sư phạm mỹ thuật*, <https://text.123doc.org/document/2475573-de-cuong-bai-giang-nghien-cuu-von-co-dan-toc-tai-lieu-dung-cho-sinh-vien-dai-hoc-su-pham-my-thuat.htm>, truy cập 0'50 ngày 18 tháng 10 năm 2017.
32. Bùi Thị Thanh Mai (2011), *Di sản và giáo dục mỹ thuật (2011)*, <http://www.vietnamese-arts.com/2011/04/di-san-va-giao-duc-my-thuat.html>, truy cập 23'07 ngày 10 tháng 8 năm 2017.
33. Nguyễn Tấn Phát (2011), *Chạm khắc đình làng Việt Nam*, http://baigiang.violet.vn/present/showprint/entry_id/5621182, truy cập 31.10.2017, 24h
34. Tự điển ranh ngôn, <http://www.tudiendanhngon.vn/tabid/87/strcats/48/sw/g/charmode/true/default.aspx>truy cập 23.40 ngày 17.10.2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THÚY HÀ

**NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC ĐÌNH LIÊN HIỆP
ỨNG DỤNG VÀO BÀI TẬP NGHIÊN CỨU VỐN CỔ
DÂN TỘC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT**

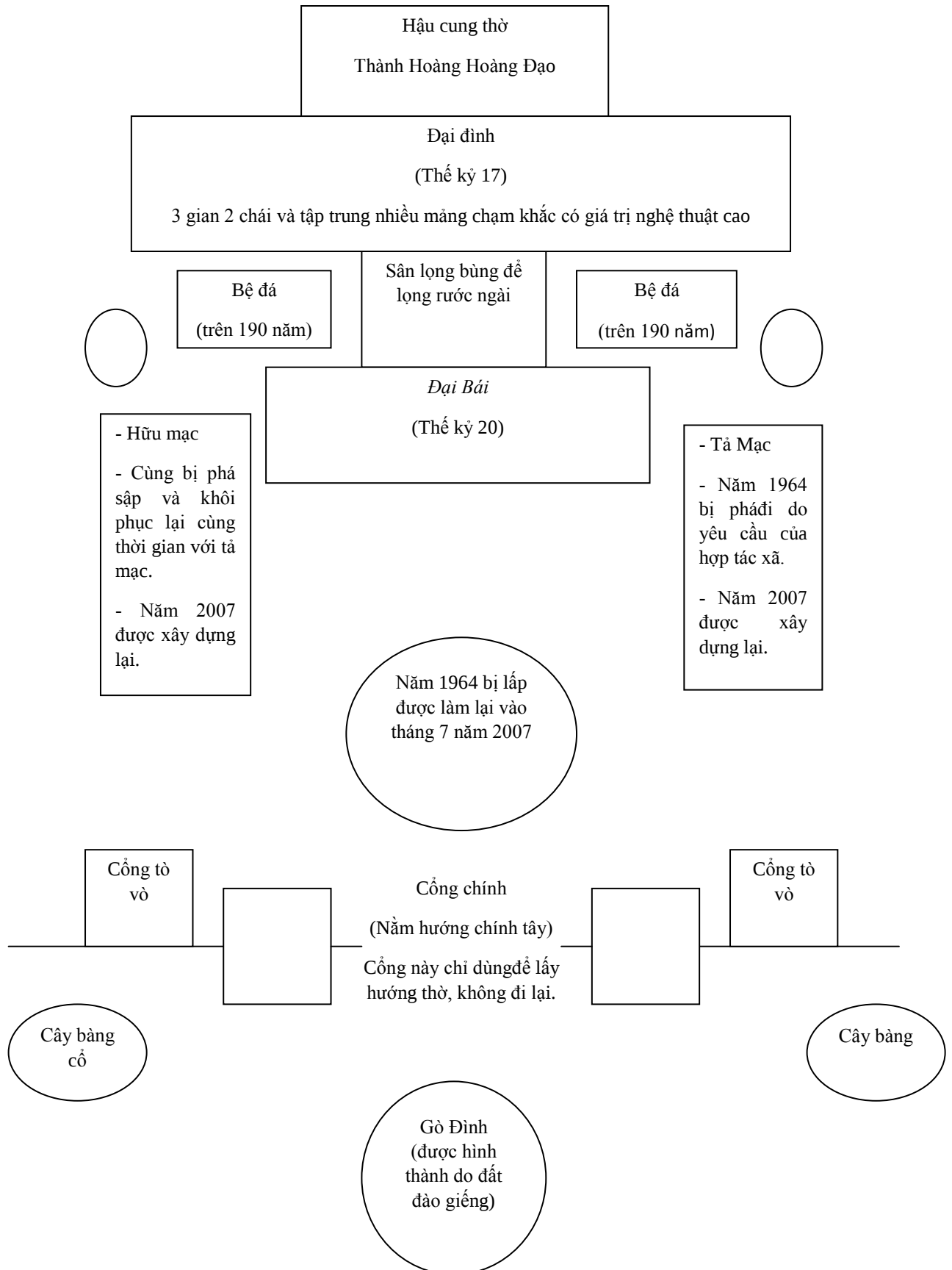
PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: Sơ đồ giản lược về ngôi đình liên Hiệp	73
PHỤ LỤC 2: Một số hình ảnh về các mảng chạm đình Liên Hiệp	74
PHỤ LỤC 3: Một số bài tập thực hành 2 - Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên khoa Sư phạm Mỹ thuật, trường ĐHSPNTTW	78
PHỤ LỤC 4: Một số đề tài và họa tiết được sử dụng trong chạm khắc đình Liên Hiệp.....	80
PHỤ LỤC 5: Một số bài tập thực hành 2 - Nghiên cứu vốn cổ của sinh viên khoa Sư phạm Mỹ thuật, trường ĐHSPNTTW - Nhóm SV đối chứng	85
PHỤ LỤC 6: Một số hình ảnh về bài tập Nghiên cứu Vốn cổ dân tộc của nhóm SV tham gia thực nghiệm tại đình Liên Hiệp	88

PHỤ LỤC 1:
Sơ đồ giản lược về ngôi đình liên Hiệp



PHỤ LỤC 2

Một số hình ảnh về các mảng chạm đình Liên Hiệp



Ảnh 1: Đi săn (Quan quân cướp bóc)

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, chụp năm 2017]



Ảnh 2: Đấu vật

[Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]



*Ảnh 3. Cô tiên cưới rồng
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



*Ảnh 4: Chọi trâu
[Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]*



*Ảnh 5. Mả tàng hàm rồng
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



Ảnh 6: Ôm gà đi chơi

[Nguồn: Sách Giáo khoa Âm nhạc và Mỹ thuật lớp 9, Nxb Giáo dục]



Ảnh 7. Đánh cờ

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



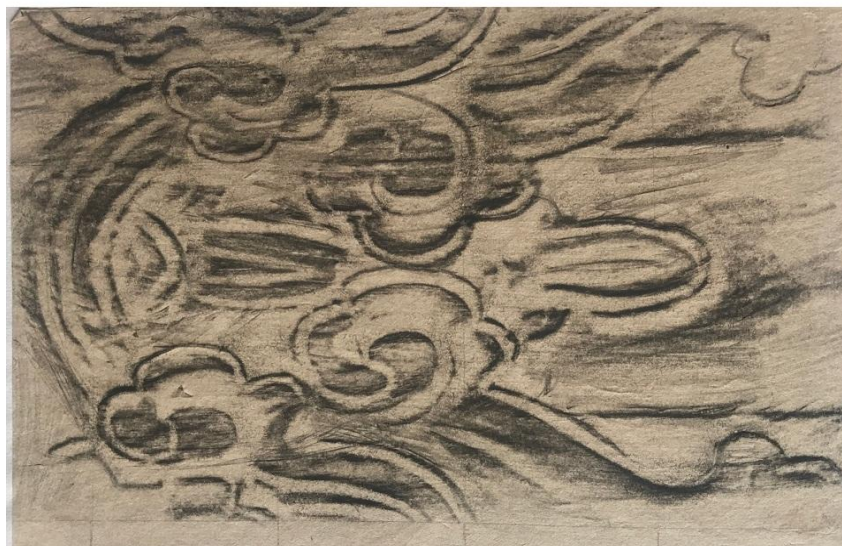
Ảnh 8. Tiên - rồng - hươu - báo
[Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]



Ảnh 9. Đầu rồng (nhìn từ phía dưới)
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]

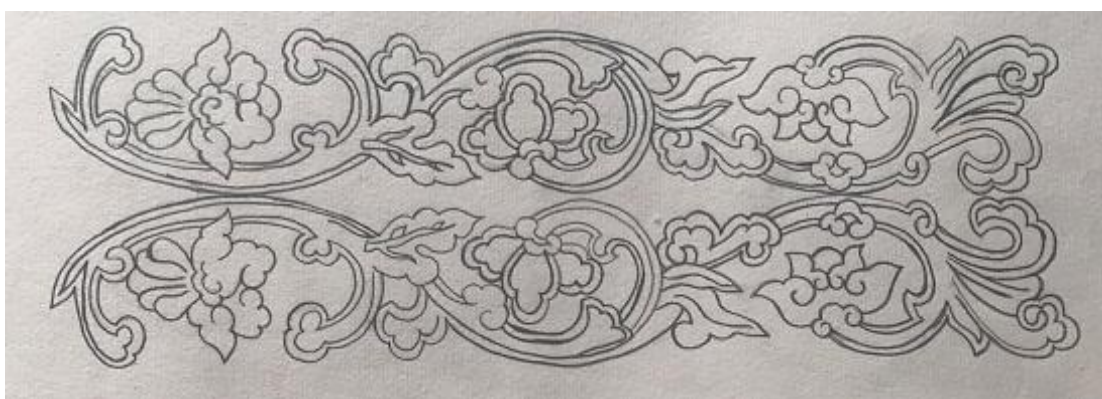
PHỤ LỤC 3

**Một số bài tập thực hành 2 - Nghiên cứu vốn cổ dân tộc của sinh viên
khoa Sư phạm Mỹ thuật, trường ĐHSPNTTW**



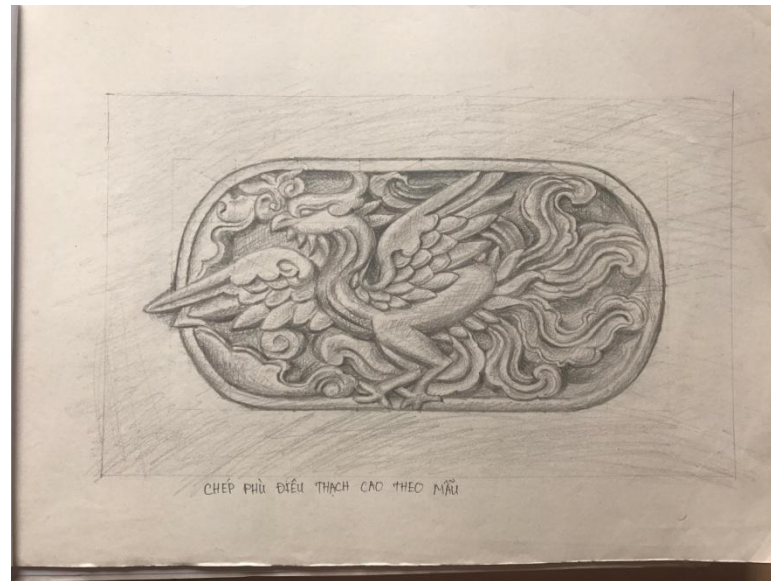
(1). Bản rập của sinh viên tại Văn Miếu

[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2016]



(2) Bản chép họa tiết cổ của Sinh viên

[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2016]



*(3) Bản chép phù điêu thạch cao của Sinh viên
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2016]*

PHỤ LỤC 4

Một số đề tài và họa tiết được sử dụng trong chạm khắc đình Liên Hiệp



Ảnh 1. Hoa văn trên đầu dư

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



Ảnh 2. Hoa văn trên đầu dư

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



Ảnh 3: Đầu vật

[Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]



Ảnh 4: Uống rượu

[Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]



Ảnh 5: Người cưỡi ngựa
 [Nguồn: Hà Văn Tấn (1998), Đình Việt Nam]



Ảnh 6: Trích đoạn trên ván gió
 [Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



Ảnh 7: Đầu rồng

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



Ảnh 8: Tiên và rồng

[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



Ảnh 9: Trồng nụ trồng hoa
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]

PHỤ LỤC 5

Một số bài tập thực hành 2 - Nghiên cứu vốn cổ của sinh viên khoa Sư phạm Mỹ thuật, trường ĐHSPNTTW - Nhóm SV đối chứng



Ảnh 1. Bài tập chép phù điêu thạch cao
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]



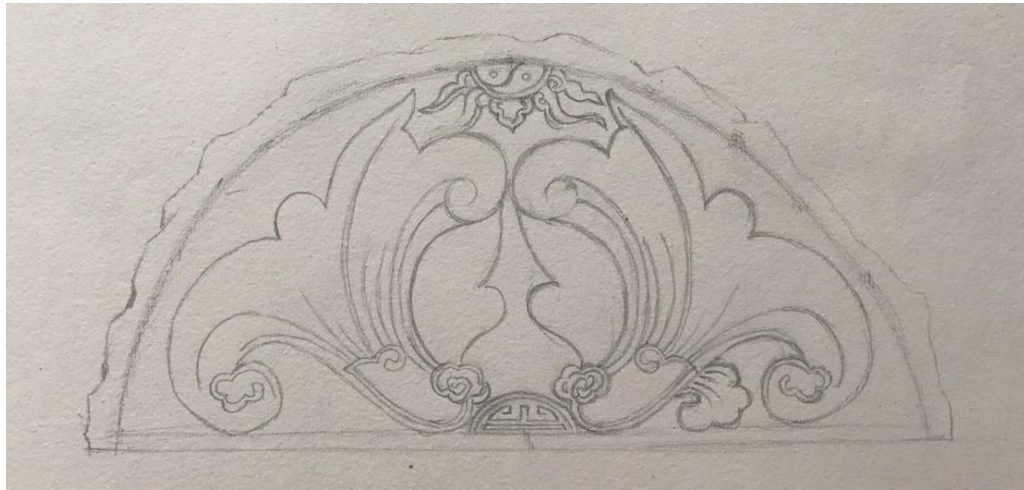
Ảnh 2. Bài tập chép phù điêu thạch cao
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]



Ảnh 3. Bài tập chép phù điêu thạch cao
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]



Ảnh 4. Bản chép phù điêu thạch cao của Sinh viên
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]



*Ảnh 5. Mẫu chép họa tiết ngoài thực tế
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]*



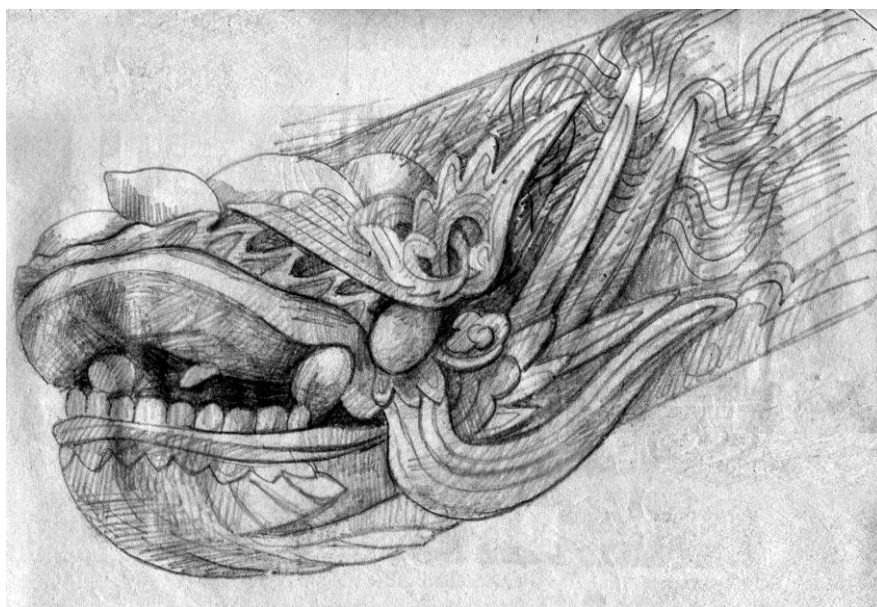
*Ảnh 6. Bản rập của sinh viên tại Văn Miếu
[Nguồn: GV Trần Thị Vân, năm 2017]*

PHỤ LỤC 6

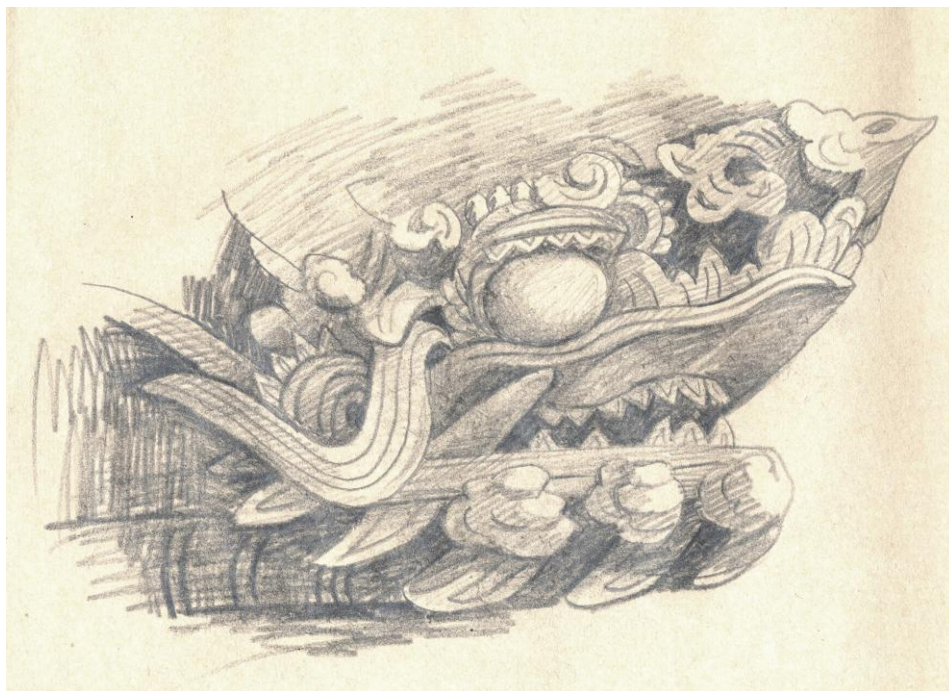
**Một số hình ảnh về bài tập Nghiên cứu Vốn cổ dân tộc của nhóm SV
tham gia thực nghiệm tại đình Liên Hiệp**



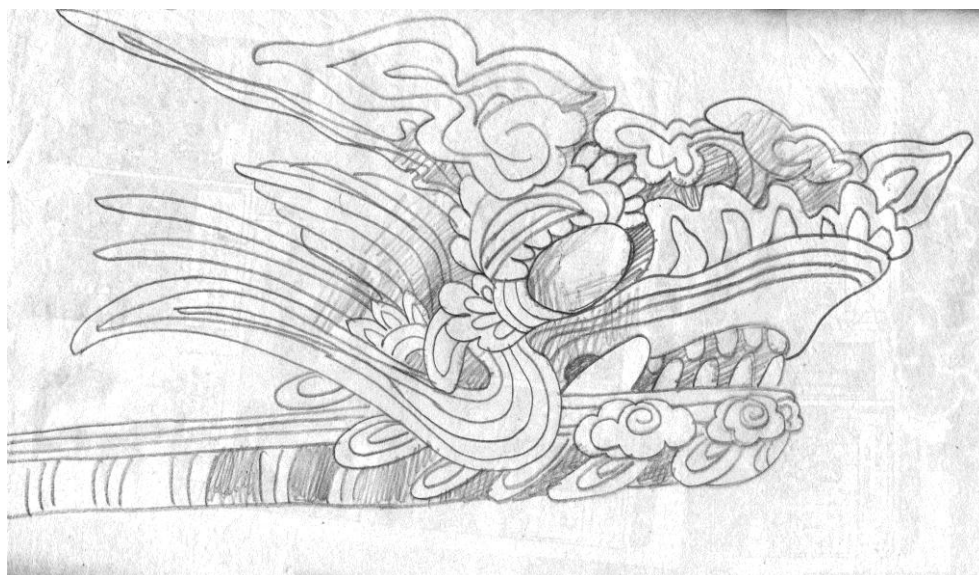
*Ảnh 1. Đầu rồng - SV. Đặng Thị T
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



*Ảnh 2. Đầu rồng - SV. Phạm Đình T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



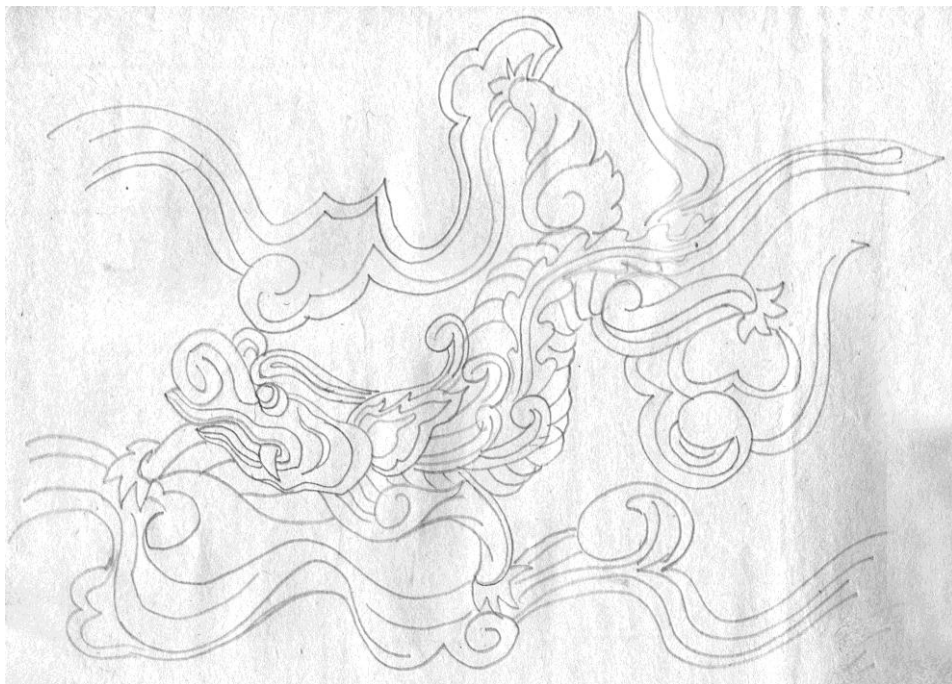
*Ảnh 3. Đầu rồng - SV. Phạm Thị Ngọc T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



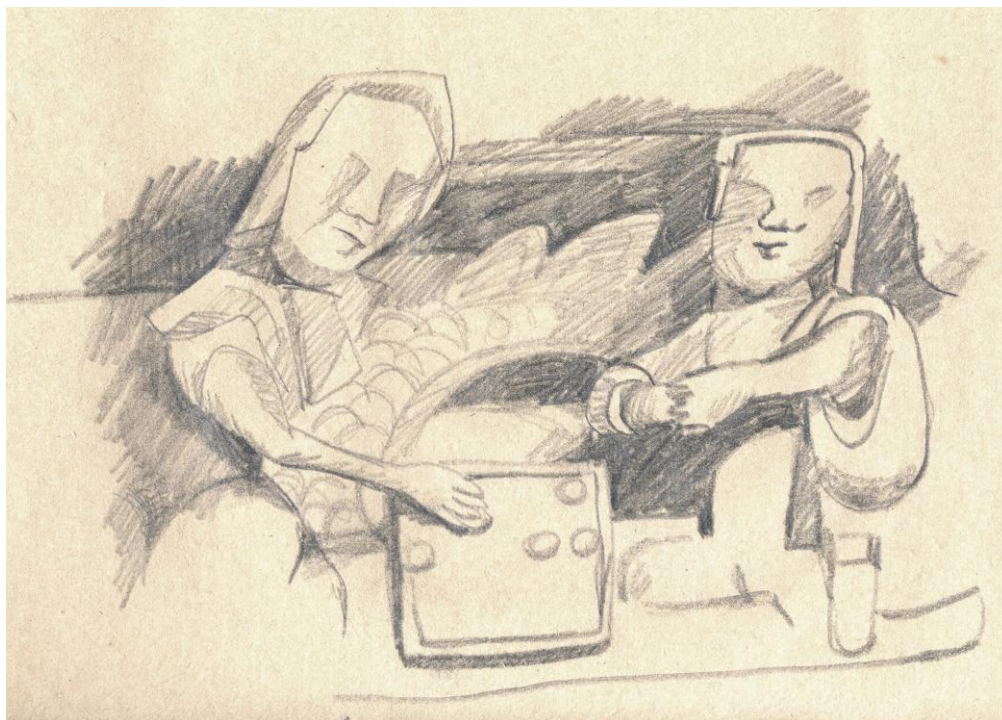
*Ảnh 4. Đầu rồng - SV. Nguyễn Thị Thu Ng.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



Ảnh 5. Hoa văn - SV. Đặng Thị T
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



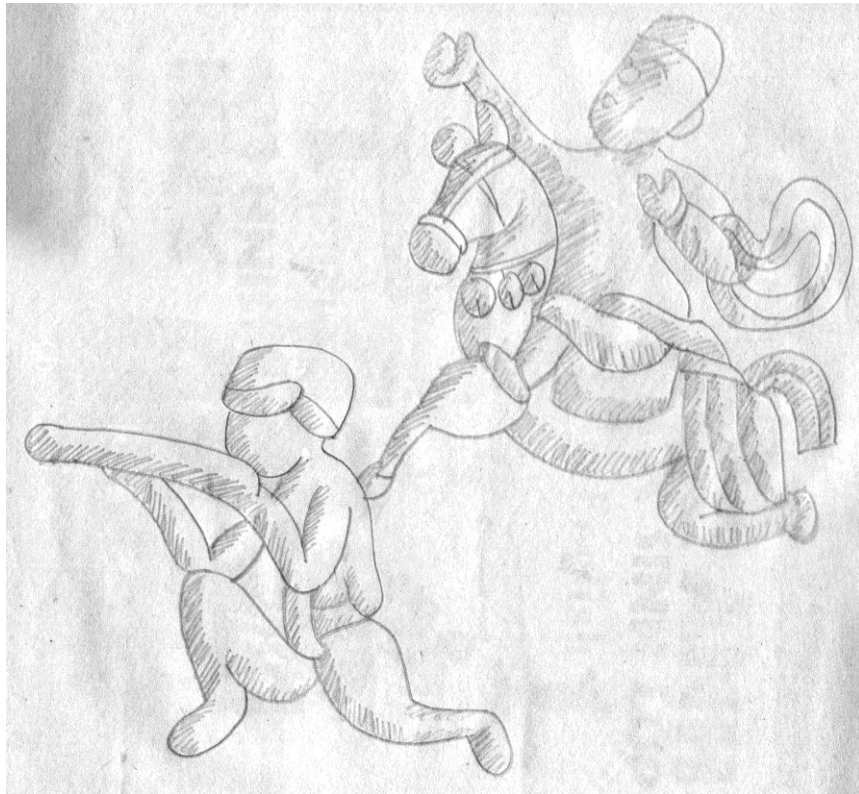
Ảnh 6. Hoa văn - SV. Nguyễn Khánh V.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]



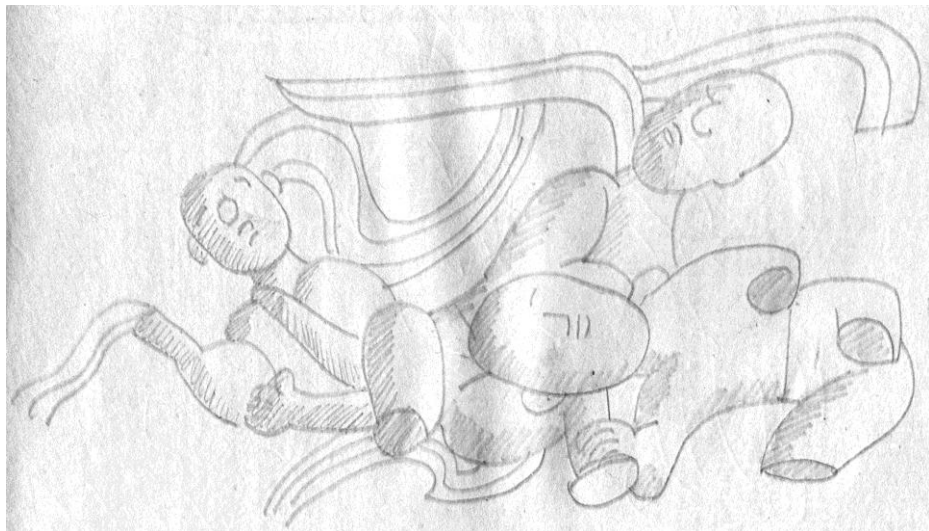
*Ảnh 7. Đánh cờ - SV. Phạm Thị Ngọc T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



*Ảnh 8. Mả táng hàm rồng - SV. Bùi Thu T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



*Ảnh 9. Trích đoạn “Đi săn” - SV. Nguyễn Thị Bội T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*



*Ảnh 10. Đấu vật - SV. Nguyễn Thị Bội T.
[Người chụp: Nguyễn Thúy Hà, năm 2017]*